



TRẦN ĐƯƠNG



ÁNH MẮT BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

ÁNH MẮT BÁC HỒ

TRẦN DƯƠNG

ÁNH MẮT BÁC HỒ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Lời nói đầu

Sinh thời, Bác Hồ kính yêu của chúng ta có những người con được Bác đỡ đầu, trong đó có một số là người nước ngoài như: Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, Anh, Ấn Độ...

Từ nhiều năm nay, tôi có chủ định sưu tầm, tìm hiểu về đề tài này, từ đó biên soạn thành tập sách nhỏ, mong nói lên một khía cạnh về đời thường của vị lãnh tụ vĩ đại, người mà ai cũng muốn được gọi một cách thân thiết là “Cha”, là “Bác”, là “Anh”... Đó là những quan hệ tình cảm giữa những con người với nhau, không hề có sự cách biệt giữa lãnh tụ tối cao với những người bình thường trong đời sống, ở nước ta cũng như các nước anh em, bầu bạn.

Phải thừa nhận rằng, tư liệu về chủ đề này rất thiếu, sách báo có đề cập, song thường chỉ lướt qua, không đi sâu, do đó người sưu tầm phải cố gắng lần theo các dấu vết và “chắp nối” các tư liệu đó lại để người đọc có thể theo dõi một cách hệ thống hơn.

Ngoài hai trường hợp ở Đức mà tôi có thể trực tiếp hỏi chuyện những người có liên quan đến sự việc, còn hầu hết tìm hiểu qua sách báo. Tuy nhiên, có những chi tiết các báo đã đề cập khác nhau (như về tên người,

thời gian, địa điểm, câu nói...), người sưu tầm phải cố gắng tra khảo để mong đạt được sự chính xác tối đa. Song, kết quả đạt được tới đâu còn phải có thời gian chứng minh.

Trong quá trình sưu tầm, tôi đã được nhiều bạn bè giúp đỡ, nhưng nơi đóng góp một cách quyết định chính là Bảo tàng Hồ Chí Minh. Tôi trân trọng bày tỏ lời cảm ơn tới các anh, các chị ở Phòng tư liệu và Thư viện của Bảo tàng, như: chị Lai, chị Hương, chị Nga, chị Liên, chị Nguyệt, anh Ngọc, anh Hồng, anh Kiên... Không có sự giúp đỡ của lãnh đạo và tập thể các đồng chí ở Bảo tàng, quyển sách này chưa thể ra đời được.

Như đã nói, về thực chất, tôi chỉ là người sưu tầm, biên soạn và hệ thống lại các tư liệu mà tôi được cung cấp và tìm được. Cho nên, có thể nói, đây là kết quả chung của một tập thể, cụ thể gồm các cán bộ nghiên cứu, các tác giả những bài báo và quyển sách có liên quan.

Tuy đã có nhiều cố gắng, quyển sách không thể tránh khỏi những thiếu sót. Trân trọng đề nghị bạn đọc xa gần vui lòng chỉ bảo để khi tái bản những lần sau tác giả có thể bổ khuyết, phấn đấu làm cho quyển sách trở nên có ích và hoàn thiện hơn.

Sau cùng, tôi xin cảm ơn chân thành các anh, các chị ở Nhà xuất bản Thanh Niên đã khuyến khích và cổ vũ tôi trong quá trình làm quyển sách nhỏ này, đặc biệt với đồng chí phụ trách bản thảo đã có nhiều công sức góp phần vào việc ra đời của quyển sách.

Hà Nội, cuối thu 1998

TRẦN ĐƯƠNG

“CHA ĐỖ ĐẦU CỦA TÔI LÀ HIỆN THÂN CỦA SỰ SỐNG, TƯƠNG LAI VÀ SỰ HOÀN HẢO”

Cho đến hôm nay, sau hơn 50 năm trời, gia đình Ô-brắc và các nhân viên y tế ở bệnh viện phụ sản Bô-đơ-lốc trên đại lộ Po Roayan thuộc quận 5, Pa-ri, vẫn còn xúc động nói về sự kiện có một không hai ấy.

Ngày 15-8-1946, một vị khách quý đã tới đây thăm bà Luy-xi vừa sinh cháu Ê-li-da-bét.

Vị khách quý đó là ai?

Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị thượng khách của Chính phủ Pháp, đã tới nước Pháp để chỉ đạo phái đoàn Việt Nam trong Hội nghị hiệp thương đang gay cấn ở Phong-ten-nơ-blô.

Người đến Boóc-đô, lưu lại ít ngày ở Bi-a-ritx rồi đi Pa-ri.

Ngày 27 tháng 7, tại vườn hồng Ba-ta-gen của lâu đài *D'Artois* (tên một bá tước) ở ven rừng Bô-lô-nhơ gần sông Xen, những người Việt Nam sống tại Pháp đã tổ chức chiêu đãi chào mừng vị Chủ tịch của mình. Nhờ có sự quan tâm của bạn bè chung, ông Ô-brắc được mời tới dự. Ông cho rằng, đó là một diễm phúc không ngờ tới đối với ông, bởi vì, là một kỹ sư trẻ,

ông dễ gì được tiếp xúc với vị nguyên thủ của một nước? Một người Việt Nam trẻ tuổi đã trân trọng giới thiệu ông với Chủ tịch. Rất thân mật, Chủ tịch Hồ Chí Minh khoác tay ông vừa đi vừa nói chuyện giữa hai ngàn người, bên hai rặng cây hoa hồng. Người nói với ông:

- Ông Ô-brắc, xin cảm ơn ông về những gì ông đã làm cho đồng bào tôi hai năm trước đây ở Mác-xây.

Ông hiểu ngay rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn nói tới việc năm 1939 nước Pháp tuyên chiến (với Đức) và đã đưa hàng ngàn người lao động Đông Dương sang thay cho những công nhân Pháp bị động viên. Sau thất bại năm 1940, họ được tập trung vào các trại và một trong số đó ở gần Mác-xây có từ 2.000 tới 3.000 người. Vào tháng 9 năm 1944, với tư cách là ủy viên Cộng hoà vùng này, ông được biết số lao động đó đang ở trong tình cảnh rất bi đát và ông đã làm những điều mà ông phải làm để cải thiện đời sống cho họ. Cũng vì thế mà họ đã mời ông và giới thiệu với Chủ tịch.

Ngay từ phút đầu tiên được tiếp xúc với Chủ tịch, ông Ô-brắc đã cảm thấy như đang ở gần một người thân, tựa hồ bậc cha chú của mình, chứ không hề có sự ngăn cách nào do vị trí xã hội. Câu đầu tiên ông được nói với Chủ tịch là:

- Thưa Chủ tịch, Ngài có yêu Pa-ri không?

- Có chứ ông bạn. Tôi đã nhiều năm từng là dân Pa-ri. Rồi im lặng. Ông Ô-brắc không biết hỏi gì thêm.

- Thưa Chủ tịch, nơi nghỉ của ngài được bố trí tốt không?

- Chính phủ ông đã dành cho tôi một căn hộ sang trọng ở một khách sạn ở gần Quảng trường Ngôi sao, nhưng tôi không thích lắm. Tôi cần một khoảng vườn mà ở đó không có vườn.

Ông Ô-brắc ngỏ ý mời Chủ tịch đến thăm nhà ông ở Xoa-di Xu Mông-mô-răng-xy, cách Pa-ri 25 cây số về phía bắc. Hồ Chủ tịch vỗ nhẹ lên vai ông và nói:

- Tôi sẽ sung sướng nếu được đến vườn của ông, ông bạn thân mến ạ. Vậy tuần sau, vào giờ uống trà buổi chiều tôi đến thăm gia đình ông được chứ?

Sở dĩ Bác Hồ vui vẻ nhận lời mời mau chóng như vậy vì người biết rõ Ray-mông Ô-brắc và người vợ là Luy-xi là những người kiên cường chống phát xít, có cảm tình với chủ nghĩa cộng sản.

Sinh năm 1914, anh sinh viên xuất sắc trường cầu đường này đã tham gia sinh hoạt trong các nhóm cảm tình với Đảng Cộng sản Pháp, đã gặp Luy-xi Bê-nác-đơ ở đó. Chị cũng là một nữ sinh viên hăng hái và ham hoạt động như anh. Họ cưới nhau năm 1939, hôm trước cuộc chiến tranh. Ngay từ đầu thời kỳ bị Đức chiếm đóng, đôi vợ chồng đang sống ở Ly-on đã rút vào hoạt động bí mật. Anh là kỹ sư, chị là giáo sư, cả hai đều là thành viên trong ban lãnh đạo phong trào kháng chiến vùng phía nam. Tài năng tổ chức bẩm sinh của Ray-mông đã lập nên những kỳ tích trong đấu tranh bí mật. Tờ *L'Histoire* viết: *"Lần đầu bị bắt bởi cảnh sát của chế độ Vi-chy, Ray-mông Ô-brắc đã được thả tự do chỉ sau một thời gian ngắn mà không bị lộ tung tích do sự táo bạo cực kỳ của vợ: chị Luy-xi đã đe dọa giết chết một quan toà khá nhát gan của chế độ Vi-chy. Lần thứ hai bị bắt bởi chính mật vụ Đức*

quốc xã (Gestapo) bị thâm vấⁿ và tra tấn, anh lại được vợ mình cứu thoát một lần nữa, chị chỉ huy một đội du kích tấn công vào xe chở tù của bọn Đức có Ray-mông trên đó, tạo nên một cuộc vượt ngục đầy ấn tượng, một hoạt động duy nhất trong niên giám của cuộc kháng chiến: lần đầu tiên Gestapo bị tấn công và đánh bại. Chẳng may, cuối năm đó, cha mẹ của Ray-mông bị bắt vì họ là người Do Thái, rồi bị đày đến trại giam Au-svít-xơ và đã không bao giờ trở về nữa”.

Cũng cần nói thêm rằng, Ray-mông chẳng những là kỹ sư cầu đường mà còn tốt nghiệp Đại học Pháp lý Pa-ri, Viện kỹ thuật Mát-xa-chu-xét và trường Đại học Tổng hợp Ha-vớt (Hoa Kỳ) là người được tướng Đờ Gôn giao phó trách nhiệm tổ chức “đội quân ngầm” (armée serete) trong vùng địch kiểm soát phía nam nước Pháp. Ông từng bị Clao Bác-bi, tên phát xít khét tiếng khát máu, bắt giam và tuyên án tử hình vào mùa thu năm 1943. Còn bà Luy-xi đã trở thành thạc sĩ sử học, giáo sư môn sử địa của một trường trung học vùng Ly-ông trong ba năm 1940 - 1943 .

Năm 1940, hai vợ chồng ông từ bỏ ý định sang tu nghiệp tại Hoa Kỳ, mặc dù được cấp học bổng, để ở lại đất nước của mình, đi vào cuộc đấu tranh bí mật gian khổ để chống lại ách chiếm đóng của bọn phát xít, giải phóng đất nước.

Sau khi nước Pháp giải phóng, ông được tướng Đờ Gôn giao cho nhiều trọng trách: ủy viên Cộng hoà (Khu trưởng) vùng Mác-xây, Giám đốc thanh tra trong Bộ tái thiết quốc gia sau chiến tranh, sáng lập và quản lý cơ quan nghiên cứu về công nghiệp hiện đại... Sau này ông còn được cử làm Giám đốc lương thực và

nông nghiệp của Liên hợp quốc trong 12 năm liền, Cố vấn tại văn phòng Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Xin trở lại câu chuyện giữa Bác Hồ và ông tại cuộc chiêu đãi của Việt kiều ở vườn hồng Ba-ta-gen. Dĩ nhiên là ông rất sung sướng khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận lời đến thăm nhà. Tối hôm đó, từ Pa-ri trở về, ông vui mừng báo cho vợ ông rằng thứ 3 tuần sau, khoảng 5 giờ chiều, Bác Hồ sẽ đến thăm vườn nhà. Lúc này, bà Luy-xi có thai đã nhiều tháng. Bà đang dạy học ở thị xã Ăng-giêng, đồng thời là báo cáo viên tại ủy ban lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai.

Nghe chồng báo tin, bà nói:

- Tốt lắm. Em sẽ đi mua ít trà uống.

Ông Ô-brắc cho biết: Trà là thứ đồ uống mà gia đình ông trước đây không hề dùng và ngay vấn đề này cũng là sự thay đổi trong đời sống của họ.

Theo kế hoạch, Chủ tịch và một số người giúp việc, có đoàn xe mô-tô hộ tống, đã đến toà nhà cổ xưa của gia đình Ô-brắc. Bác Hồ rất thích khu vườn có hàng cây cao bao quanh. Còn món trà thì có lẽ Người không thích lắm. Điều mà Người thích hơn hết - theo lời ông Ô-brắc - là bà mẹ vợ ông, một bà nông dân xứ Buốc-gô-nhơ mới đến mấy tuần nay để đón cháu bé sắp ra đời.

- Ông có ngôi nhà lớn thật. Còn có ai ở nữa không? Tôi có thể thăm được không?

Gia đình ông ở 4 phòng tầng thứ nhất. Dưới nhà (tầng trệt) là nhà bếp, phòng ăn và phòng khách. Tầng thứ hai lúc ấy còn bỏ trống, chỉ có một buồng tắm và rửa mặt. Tầng ba, dưới hầm nhà, ông Ô-brắc

đặt chiếc bàn làm việc nhỏ. Một đàn bồ câu trắng bay lượn quanh mái nhà.

Thấy Bác Hồ tỏ ra thích thú với căn nhà và khu vườn, ông bà Ô-brắc mời Người đến ở. Người nhận lời và ba ngày sau, cùng ba người giúp việc đã tới. Ông Ô-brắc vội vàng mượn mấy tấm thảm và một ít đồ đạc như bàn ghế, bát đĩa, tách chén vì lúc đó chiến tranh vừa kết thúc, mọi cái đều thiếu thốn.

Theo yêu cầu của ông bà, ông Tổng Giám đốc an ninh, vốn là người kháng chiến, quen biết ông, chỉ bố trí hệ thống an ninh phía ngoài toà nhà. Còn bên trong, một số đồng đội kháng chiến của ông, được trang bị tiểu liên STEN, bảo đảm việc canh gác, bảo vệ.

Ông Ô-brắc kể lại trong thiên hồi ký của mình.

“Buổi sáng, từ rất sớm, người ta mang báo đến cho Chủ tịch. Từng chồng báo đủ các nước, bằng đủ thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga. Chủ tịch ngồi đọc ngay trên cỏ. Ấy là một mùa hè thật đẹp...”

Người nói chuyện với mẹ của Luy-xi cũng thoải mái như với các vị bộ trưởng, với các nhà báo, các nguyên thủ quốc gia hay với bạn bè của mình. Ngay từ phút đầu, ai cũng cảm thấy thoải mái.

Trong khi trò chuyện với mẹ vợ tôi, Người hỏi nhiều về cuộc sống của những người trồng nho vùng Ma-công (gần Ly-ông) và so sánh với điều kiện sinh hoạt của những người nông dân vùng quê mình. Người nói:

“Ở nông thôn Việt Nam, vì còn nghèo khó, phần đông trẻ em “hữu sinh vô dưỡng”! Chủ tịch cũng

thường ngồi kể chuyện về điều kiện sinh hoạt trong các chiến khu. Người nói:

“Ở căn cứ du kích đốt lửa ngồi sưởi, thì nóng trước mặt, lạnh sau lưng...”

Cho đến khi qua đời, bà mẹ vợ tôi vẫn luôn luôn nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng kính mến và thân thiết.

Ngoài giờ làm việc, Chủ tịch thường dắt cháu Giảng Pi-e, con trai đầu lòng của chúng tôi, lúc đó 7 tuổi, đi dạo chơi trong làng. Hai ông cháu trò chuyện tâm đắc lắm, có khi cả hai ông cháu nằm ngủ trưa ngay trong vườn cỏ.

Khi dạo chơi, Chủ tịch thường tiếp xúc với một ông lão làm vườn, chuyên trồng hoa trong làng. Theo ông lão, Chủ tịch rất thích hoa thược dược đỏ và vàng, vì như Người nói, đó là “màu cờ của nước tôi...” Từ đó, hàng ngày trong phòng tiếp khách của Chủ tịch luôn có những bông hoa thược dược vàng và đỏ. Cho đến năm 1958 - năm chúng tôi từ già Xoa-đi Xu Mông-mô-răng-xy - ông lão làm vườn vẫn thường hỏi thăm chúng tôi tin tức vị Chủ tịch nước Việt Nam.

Nhiều vị khách đã tới Xoa-đi trong những ngày Người ở tại nhà tôi, tức là từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1946. Hàng ngày, các đại biểu của Hội nghị Phông-ten-nơ-blô vẫn đến. Ngày ấy, người ta đi lại trong vùng Pa-ri dễ dàng hơn bây giờ. Thỉnh thoảng Chủ tịch mời khách dùng bữa tối. Người muốn được gần gũi các chính khách Pháp, những người cùng chính kiến và cả những người đối lập. Người cũng tiếp các nhà văn, nhà báo, bạn bè. Để tránh vất vả cho gia đình

tôi, Chủ tịch mời một người đầu bếp đạt tới nghệ thuật điêu luyện tới nhà tôi. Ông tên là Ty. Chính nhờ vậy, chúng tôi lại trở thành khách mời của Chủ tịch, được thưởng thức các món ăn Việt Nam rất đặc sắc”!

Quan hệ giữa Bác Hồ và mọi người trong gia đình Ô-brắc ngày một trở nên gắn bó. Vào hôm kỷ niệm sinh nhật của Ray-mông Ô-brắc, Người đã tặng ông bức hoạ “Tình mẫu tử” của hoạ sĩ Vũ Cao Đàm. Ông treo bức tranh lên tường và coi đó là tác phẩm hội hoạ đẹp nhất mà ông có trong nhà. Trong buổi lễ ấy, Bác tươi cười nói với vợ chồng ông Ô-brắc:

- Chú là em của tôi. Và vợ chú là em dâu tôi!

Ray-mông Ô-brắc rất sung sướng và cảm động trước câu nói thân ái của Người. Ông nghĩ rằng, về tuổi tác, giữa ông và Bác Hồ cách biệt như cha con, còn về cấp bậc xã hội, khoảng cách ấy lại càng xa lắm, vậy mà Người đã dành cho ông một tình cảm gia đình thật đáng trân trọng.

Nhưng còn một chuyện khác đối với gia đình ông thật vô cùng xúc động.

Ngày 15-8-1946, bà Luy-xi sinh con gái tại bệnh viện phụ sản Bô-đơ-lốc ở đại lộ Po Roay-an, thuộc quận 5, Pa-ri. Ngay ngày hôm ấy, như đã kể ở đầu, Bác Hồ với đoàn xe mô-tô hộ tống đã đến thăm bà Luy-xi và cô con gái mới sinh là Ê-li-da-bét. Người tặng hoa và quà cho bà Luy-xi. Người cũng không quên chia quà cho các nhân viên y tế. Gặp Người lần đầu, nhưng họ đều nhận ra Bác vì những ngày đó thường đăng ảnh và tin về các hoạt động của Người trên báo.

Bác Hồ bế em bé Ê-li-da-bét lên tay Người và quyết định nhận bé làm con đỡ đầu. Bác gọi thân mật là Babet (Babette). Đó là niềm vui sướng và vinh dự nhất của ông bà Ô-brắc. Từ đấy, hằng năm, vào khoảng 15-8 kể cả trong chiến tranh chống thực dân Pháp, Bác Hồ vẫn có thư và quà gửi tới ông bà và con gái đỡ đầu của mình. Người chuyển hộ thường là các nhà báo hoặc bạn bè nước ngoài có dịp tới Việt Nam. Quà Người gửi là những quả cầu nhỏ hoặc một con trâu bằng ngà, một bức ảnh chân dung của Người hoặc một đồng tiền vàng có mang hình của Bác...

Trong một hồi ký khác, ông Ô-brắc viết:

“Tôi không đánh giá gì tới cuộc thương lượng Phong-ten-nơ-blô, tuy có được nghe nói đến tại nhà cũng như khi đọc báo. Khi Giăng Xanh-tơ-ni đến Xoa-dy, tình bạn lâu năm cho phép chúng tôi trao đổi một số cảm nghĩ. Giăng Xanh-tơ-ni muốn biết tâm trạng của vị khách và cả hai chúng tôi đều nhận thấy Người lúc nào cũng thanh thản. Vào cuối cuộc thương lượng đầy khó khăn, khi không những người Việt Nam mà cả nhiều người Pháp rất cảm phần trước những hành động phá hoại của đô đốc Ti-ê-ry Đác-giăng-li-ơ ở Sài Gòn và Đà Lạt, có tới hai lần Xanh-tơ-ni thúc giục tôi thuyết phục Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước sớm để làm dịu tình hình. Nhưng tôi đã không thành công.

Khi cuộc thương lượng Phong-ten-nơ-blô chấm dứt, Bác Hồ đề phái đoàn về nước còn mình thì ở lại Pháp để ký với Ma-ri-uyét Mu-tê một văn bản gọi là “Tạm ước 14-9” nhằm cứu vãn hoà bình và đặt vài cơ sở cho một hiệp định tương lai”.

Ngày 19 tháng 9, Bác Hồ lên tàu trở về nước tại cảng Tu-lông. Đến cảng Xa-ít, Người gửi cho gia đình Ô-brắc một bức thư ngắn, lời lẽ thăm thiết. Bức thư đó như sau:

“Cảng Xa-ít, 22 tháng 9 năm 1946

Các bạn thân mến,

Từ khi chúng tôi lên đường, biển lặng, thời tiết đẹp. Hằng ngày, chúng tôi ngắm mặt trời lên và mặt trời lặn, quang cảnh ấy thật hùng vĩ và tuyệt vời.

Trên tàu, chúng tôi không có nhiều việc để làm. Chúng tôi đọc sách báo, nói chuyện, nghỉ ngơi và chúng tôi nhớ đến các bạn. Những người bạn mới của chúng tôi - sĩ quan và thủy thủ - rất dễ mến. Các đồng chí của tôi- Thiên, Huỳnh và 4 người nữa (mà các bạn chưa quen biết) và tôi, chúng tôi đều khoẻ mạnh.

Tôi gửi đến các bạn những tình cảm thân thiết nhất. Tôi ôm chặt Jean Pierre, Catherine và cô cháu gái bé nhỏ và thân thiết của tôi. Tôi gửi một chiếc hôn yêu quý cho Ginette và gửi lời chào các bạn của chúng ta: Billox, D' Astier và các bạn khác...

Hồ Chí Minh”

Cho đến tận tháng 7 năm 1955, tức là gần 10 năm sau, ông Ô-brắc mới được gặp lại Người. Trong khoảng thời gian ấy đã diễn ra và kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp. Lần gặp này diễn ra tại Bắc Kinh. Bây giờ, ông đang ở một khách sạn lớn, trên quảng trường Thiên An Môn. Một hôm, tình cờ đọc báo, ông được biết Hồ Chủ tịch đang dừng chân tại Bắc Kinh và sẽ lên đường đi thăm Liên Xô vào ngày hôm sau. Ông

còn nhớ như in dòng tít lớn chạy dài trên đầu trang nhất tờ báo hàng ngày: “CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐANG Ở BẮC KINH”

Ông gọi điện thoại đến Đại sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh và đọc bức điện ngắn gửi Chủ tịch:

“Ray-mông Ô-brắc qua Bắc Kinh, xin gửi Chủ tịch những lời chào thân ái”.

Nửa giờ trôi qua. Chuông điện thoại reo vang trong phòng ông. Bác Hồ vui mừng mời ông 6 giờ sáng hôm sau đến dùng trà, sẽ có xe đón.

Chỗ Người ở - như lời ông Ô-brắc - là một biệt thự có vườn rộng bao quanh, gần ngoại ô, kiến trúc kiểu Trung Hoa, mái cong. Bác Hồ thân ái ôm hôn ông, như không thay đổi gì mấy. Người hỏi thăm cháu Babet và mọi người trong nhà. Và ông Ô-brắc nhận thấy rằng, dấu sao trước mặt ông không còn là một người bận tâm, căng thẳng của năm 1946. Một trạng thái tinh thần trọn vẹn hơn, nụ cười vẫn luôn nở trên môi Người - đó là ấn tượng của ông Ô-brắc. Ông kể:

“Khi được biết tôi đến Bắc Kinh để làm một công việc thương mại, Người liền đề nghị tôi sang ngay Hà Nội để giải quyết các trở ngại cho việc ký kết hiệp định thương mại đầu tiên giữa Việt Nam và Pháp. Một mình, tôi đáp xe lửa liền trong 5 ngày, từ Bắc Kinh đến Hà Nội. Trên tàu, nhân viên phục vụ không ai biết tiếng Anh, tiếng Pháp nên tôi phải vẽ hình quá trướng trên giấy. Tôi ăn trứng liền trong 5 ngày. Tới Hà Nội, tôi gặp gỡ đoàn Việt Nam, rồi đoàn Pháp. Một giải pháp đơn giản được đưa ra nhanh chóng. Hiệp định được ký kết”.

*

* *

Tính ra, cho đến nay, ông Ô-brắc đã sang Việt Nam cả thảy 13 lần. Lần cuối cùng ông được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh là vào tháng 7 năm 1967 khi Việt Nam đang chiến đấu chống Mỹ. Tháng 6 năm 1967, Hội đồng thường trực của Tổ chức các nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri đề nghị ông chuyển một bức thông điệp đến Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông kể lại:

“Bằng một chiếc Bô-ing cổ lỗ, tôi cùng một người bạn tới Phnôm Pênh. Nửa đêm, Đại sứ quán Việt Nam gửi một bức điện khẩn tới Người, đề nghị cấp thị thực cho chúng tôi. Ba giờ sáng, Hà Nội trả lời đồng ý. Xuống sân bay, một chiếc xe quân sự đưa chúng tôi vào Hà Nội trong ánh chớp và tiếng bom rền xung quanh. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đưa chúng tôi đi thăm các bệnh viện. Suốt đời tôi không quên cảnh tượng đau đớn của những em bé Việt Nam bị thương do bom bi của Mỹ...”

Một thanh niên đến tìm tôi tại khách sạn và đưa đến một khu vườn lớn. Tôi cảm thấy lúng túng khi mang theo mình một chiếc hộp vuông chứa đựng một quả trứng dẻo từ một thứ đá quý - quà của Ba-bét, con gái tôi, gửi tặng người Cha đỡ đầu của mình.

Chủ tịch ngồi trong một chiếc ghế bành bằng mây. Chúng tôi trao đổi một số công việc và tình hình. Rồi Người bước vào phòng và lấy ra một gói nhỏ đưa cho tôi, Người bảo: “Đây là tấm lụa để Ba-bét may áo cưới!”. Rồi Người ôm hôn tôi rất chặt nhờ tôi hôn giùm Ba-bét. Trong những giây phút ấy, lòng tôi xiết

bao cảm động. Bởi vì, ngay những ngày tháng căng thẳng này, Người vẫn dành những tình cảm vô cùng thấm thiết cho chúng tôi. Người chăm sóc Ba-bét thật tận tình. Người tỏ ý tiếc sẽ không được dự đám cưới của con đỡ đầu. Nhưng, hẳn con gái tôi sẽ hạnh phúc biết bao... Giây phút chia tay Người thật bịn rịn. Người nắm tay tôi, như cách đây 21 năm trong vườn hồng Ba-ta-gen. Bác Hồ đưa tôi ra bờ hồ. Những con cá quen thuộc kéo đến như những cánh hoa..."

*
* *

Năm 1990, Nhà nước ta đã mời ông Ô-brắc và cô Ba-bét sang Hà Nội dự lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Bác Hồ. Lần này, ông là uỷ viên toàn quốc Hội Hữu nghị Pháp - Việt. Còn Ba-bét cũng đã 44 tuổi, là giáo viên, mẹ của ba đứa con xinh đẹp. Lập gia đình xong, Ba-bét vẫn trân trọng giữ xấp lụa vàng Bác Hồ tặng chị. Ba-bét thường nói với chồng và các con rằng: *"Chúng ta đang sống lại một kỷ niệm đẹp đẽ nhất trong đời mà Bác Hồ đã dành cho chúng ta"*.

Những ngày ở Hà Nội, hai cha con Ba-bét được bố trí ở trong một ngôi nhà khách xinh đẹp, yên tĩnh dưới những lùm cây xanh, mặt quay về hồ Thiên Quang. Nhiều nhà báo của chúng ta đã đến thăm và được hai cha con tiếp thân mật. Ông Ô-brắc kể cho họ nghe nhiều chi tiết cảm động về Bác Hồ, cho họ xem những tấm ảnh chụp từ mùa hè 1946 ấy. Một nhà báo hỏi Ba-bét về món quà của chị tặng cha đỡ đầu (quả trứng bằng đá quý đặt trong chiếc hộp

hình vuông) và đề nghị chị giải thích ý nghĩa của món quà. Chị trả lời:

- *Quả trứng đó là biểu tượng của sự sống, tương lai và sự hoàn hảo. Cha đỡ đầu của tôi là hiện thân của những điều đó.*

Ba-bét có gương mặt sáng, dáng người thanh mảnh và có nụ cười rất tươi. Các nhà báo kể rằng, suốt buổi nói chuyện, chị thường ngồi ghi chép. Trả lời câu hỏi về lần đầu tiên tới thăm đất nước Việt Nam, Ba-bét nói:

- Tôi chưa được nhìn thấy cha đỡ đầu của tôi lần nào. Trước đây, hàng năm, tôi vẫn viết thư cho Người. Và Người đã dành cho tôi sự chăm sóc về tinh thần rất quý giá. Như cha tôi đã nói, hễ có nhà văn, nhà báo Pháp nào từ Việt Nam về Pháp là Người lại gửi thư và quà cho tôi, khi thì một bức ảnh của Người, khi thì những quả cầu nhỏ, những con vật bằng ngà, bằng sứ... Những thứ ấy tôi đều trang trí trong tủ kính phòng riêng. Và tấm lụa vàng của cha đỡ đầu thì tôi giữ gìn như một vật kỷ niệm thiêng liêng nhất. Giờ đây, tôi nhìn thấy cha đỡ đầu của tôi lần đầu lại là lúc Người nằm trong hòm kính...

Nói tới đây, Ba-bét yên lặng một lát, mắt ngược lên cao, chớp chớp rồi nói tiếp, giọng trầm xuống:

- Khi nhìn thấy Người, tôi có một cảm giác không sao diễn tả nổi, không phải chỉ là xúc động. Hơn, hơn thế rất nhiều. Bước ra khỏi lăng, người tôi run lẩy bẩy, chân muốn khụy xuống...

Ông Ô-brắc, quay sang nắm tay con gái, đỡ lời:

- Năm 1969, chúng tôi nhận được tin Bác Hồ qua đời như chính tin bố mình mất vậy.

NGƯỜI CON TRAI ĐỖ ĐẦU Ở MIỀN NAM NƯỚC ĐỨC

Ông Van-te R.Hát-man, nguyên ủy viên Hội đồng hoà bình tỉnh Dre-xden (Đức), coi việc con trai ông được Bác Hồ nhận làm con đỡ đầu là “một hạnh phúc lớn” của gia đình ông. Về sự kiện này, ông đã viết nhiều bài báo đăng ở Đức và cả ở nước ngoài như Tiệp Khắc, I-xra-en... “Hạnh phúc lớn” mà gia đình ông được hưởng như ông nói, cũng là của bà con quê ông, của bạn bè ông. Ông viết báo, ông kể chuyện về “hạnh phúc” đó, niềm vui đó là để mọi người cùng được hạnh phúc, cùng được vui. “Hạnh phúc và niềm vui, khi đem chia sẻ, sẽ được nhân lên”, ông nói vậy. Với tinh thần đó, không quản tuổi già và đường xa, ông đã đáp tàu ngay về Béc-lin, theo lời mời của tôi. Dáng người cao và gầy, tính tình ông vui vẻ, cởi mở, rất dễ mến. Hai ngày ở Béc-lin, ông còn những việc khác phải làm, song phần lớn thời gian ông dành cho tôi “phỏng vấn”. Biết ông rất thích ăn các món Việt Nam như miến gà, nem Sài Gòn..., tôi mời ông cùng dự các bữa cơm. Ông vui lắm, ông ăn thật lòng, vừa ăn vừa xuýt xoa, không khách sáo chút nào.

Ông Hát-man quê ở Dép-nít-xơ, một thành phố nằm sát đường biên giới với Tiệp Khắc. Dép-nít-xơ nổi tiếng với nghề làm hoa nghệ thuật, một nửa số dân quê ông sống bằng nghề này. Và cũng vì hoa nghệ thuật Dép-nít-xơ được xuất khẩu đi khắp thế giới, cho nên, cái thành phố nhỏ thuộc vùng rừng núi phía nam ấy trở thành quen thuộc với nhiều bạn bè khắp năm châu. Từ đầu những năm 1950, với tư cách là chủ nhiệm phòng bưu điện thành phố, ông Hát-man đã có quan hệ thư từ với khá nhiều nơi. Năm 1949, sau khi đi dự hội nghị công đoàn bưu điện quốc tế về, ông nảy ra sáng kiến là phòng bưu điện Dép-nít-xơ nên phát triển những mối quan hệ như vậy để chứng minh rằng, những người làm công tác bưu điện có vai trò không nhỏ trong việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Từ ngày nghỉ hưu, ông có nhiều thời gian, ông sung sướng mỗi lần lật lại những chồng thư, những tập tem nhận được của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ mấy chục năm qua. Mỗi lá thư, mỗi con tem là một kỷ niệm, là dấu ấn của một mối quan hệ tốt đẹp. Trong số đó, như ông nói, có một lá thư còn cao hơn một kỷ niệm, một dấu ấn như vậy. Vợ chồng ông cất giữ bức thư ấy với tất cả lòng trân trọng. Mỗi lần đem nó ra ngắm nghía và đọc lại, gia đình ông cảm thấy sung sướng và hạnh phúc vô cùng. Đó là bức thư đề ngày 15-9-1951 của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến.

Biết tôi đang hồi hộp chờ xem bức thư, ông Hát-man nhẹ nhàng nói:

- Trước khi giới thiệu với anh bức thư, tôi xin ôn lại một kỷ niệm - một kỷ niệm mà cũng là cái cớ vì sao gia đình tôi nhận được bức thư của Người.

- Xin mời ông!

Và ông Hát-man đã kể:

- Ngày 19 tháng 5 năm 1951, nhà tôi sinh cháu trai - đứa con độc nhất của vợ chồng tôi. Chúng tôi rất phấn khởi, như bất cứ cặp vợ chồng nào lần đầu có con. Nhưng, với chúng tôi, không những phấn khởi mà còn tự hào nữa, bởi vì cháu có cùng ngày sinh với Hồ Chủ tịch. Chúng tôi suy nghĩ rất nhiều về sự trùng lặp này. Và không phải ngẫu nhiên, chúng tôi nảy ra ý định viết thư báo tin lên Hồ Chủ tịch, đồng thời bày tỏ cảm tình sâu sắc của chúng tôi với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và đặc biệt là xin Người nhận cháu Cơ-nút Vôn-căng làm con đỡ đầu. Thật tình vợ chồng tôi cảm thấy việc làm đó là quá bạo. Bởi vì, lúc này, nhân dân Việt Nam đang tập trung toàn bộ sức lực vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Hồ Chủ tịch, người chiến sĩ có tên tuổi lẫy lừng, vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân, đang từng giờ, từng phút lãnh đạo sự nghiệp thần thánh đó. Người bận trăm công ngàn việc, làm sao có thể trả lời cho chúng tôi, những người hết sức bình thường ở một nơi xa xôi như vậy.

Bức thư gửi đi rồi, chúng tôi từng ngày dõi trông, hồi hộp. Có lúc nghĩ bức thư khó mà đến được tay Người đang ở một nơi bí mật giữa rừng núi Việt Bắc, không có địa chỉ rõ ràng. Nhưng, dù biết thế, trong lòng tôi, niềm tin tưởng và hi vọng lúc nào cũng tràn đầy.

Quả thật, độ năm tháng sau, gia đình tôi nhận được thư trả lời của Người. Tôi còn nhớ, thư đến vào một buổi trưa. Thư gửi bằng máy bay, ngoài bì dán ba con tem, có đóng ba con dấu ghi rõ ngày thư đi là 23-9-1951, tức là tám ngày sau khi Người viết. Hai tay tôi run run đỡ lấy bức thư, và sau khi nén được phần nào nỗi xúc động trong lòng, tôi đọc thư cho ông bà hai bên nội ngoại của cháu Cơ-nút, cho nhà tôi và những người thân thích cùng nghe...

Ông Hát-man ngừng nói, rút từ trong cặp những thư ông mang theo và cần giới thiệu với tôi. Đưa bức thư quý giá đó cho tôi, ông nói:

- Đây, xin mời anh đọc.

Tôi đỡ lấy bức thư, có lẽ cũng hồi hộp, sung sướng như ông Hát-man ngày nào. Tôi mời ông uống nước, hút thuốc và xin phép đọc lá thư. Toàn văn bức thư như sau:

“CHỦ TỊCH PHỦ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gửi: Bà và ông Walter R.Hartmann
Postamtsvorsteher E.Thalmann –
strasse 13 Seibnitz (sachs)

Tôi thân ái mừng bà và ông vừa có cháu trai là Knuth Wolfgang Walter Hartmann.

Tôi cảm ơn bà và ông đã gửi thư và ảnh cho tôi. Và tôi rất vui lòng nhận cháu làm con đỡ đầu. Tôi gửi

biếu cháu một bức ảnh nhỏ và một đồng Việt Nam để làm kỷ niệm. Tôi chắc rằng ở nước Đức dân chủ nhân dân, và dưới sự chăm sóc của Chủ tịch W. Pieck và của Đảng, bà và ông sẽ nuôi dạy cháu mau lớn, vui vẻ, mạnh khỏe, mai sau cháu sẽ thành một chiến sỹ tốt trong sự nghiệp phát triển nước Đức xã hội chủ nghĩa, gắn chặt tình thân thiện giữa hai dân tộc Đức - Việt và giữ gìn dân chủ cùng hòa bình thế giới.

Tôi gửi bà và ông lời chào thân ái, và gửi cháu nhiều cái hôn.

*Việt Nam, 15 tháng 9 năm 1951
Hồ Chí Minh"*

Phía dưới chữ ký của Bác Hồ là một dấu triện hình vuông, màu đỏ tươi của Chính phủ nước Việt Nam lúc bấy giờ.

Tôi xin phép ông Hát-man chụp lại bức thư để giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Ông bằng lòng ngay. Ông còn trao cho tôi cả bức ảnh nhỏ của Bác Hồ, một đồng tiền (20 đồng) và một tờ 50 đồng (giấy mẫu) có chân dung của Người, và dòng chữ "Gửi cháu Knuth Wolfgang Walter Hartmann" kèm theo chữ ký của Người và một dấu triện. Tất cả những thứ này, đúng như ông Hát-man nói, đã được gia đình ông giữ nguyên vẹn. Khi đăng các bài báo của ông, các báo cũng đăng lại bức thư của Bác Hồ hoặc chụp và giới thiệu cả bì thư, đồng tiền và chữ ký của Người.

Ông Hát-man kể tiếp:

- Từ sau lần nhận được bức thư đầy tình cảm ấm áp đó của vị lãnh tụ lỗi lạc, chúng tôi tiếp tục gửi thư cho Người, nhất là vào những dịp sinh nhật, năm mới

hoặc Tết Nô-en, cũng có khi gửi cả tặng phẩm và bao giờ cũng được Người hoặc đồng chí thư ký của Người trả lời. Ngày 19 tháng 5 năm 1954, khi cháu Cơ-nút tròn 3 tuổi, Hồ Chủ tịch có gửi cho cháu một bức ảnh Người chụp cùng một cháu bé gái, phía sau Người ghi dòng chữ: “*Thân ái gửi con đồ đầu yêu quý Knuth Wolfgang W.Hartmann. Việt Nam, 19-5-1954 - Hồ Chí Minh*”. Tôi xin lưu ý là thời gian này nhân dân Việt Nam vừa giành thắng lợi vĩ đại ở mặt trận Điện Biên Phủ. Không những chúng tôi mà toàn thể nhân dân Cộng hòa Dân chủ Đức, toàn thể loài người tiến bộ cùng hướng tới Việt Nam, hướng tới Hồ Chủ tịch với lòng cảm phục sâu sắc. Chính vào lúc quân và dân Việt Nam đang tập trung toàn bộ sức người, sức của vào chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng tôi đã kính gửi Người một tập ảnh gia đình và bó hoa nghệ thuật của thành phố Dếp-nít-xơ quê hương chúng tôi...

Ông Hát-man ngừng lời, châm thuốc hút. Tính ra, cho đến hôm ông và tôi trò chuyện với nhau, con trai ông - Cơ-nút - đã tròn 25 tuổi. Tôi không hình dung nổi vóc dáng của chàng trai ấy như thế nào. Ngày tôi gặp Cơ-nút cách đây 19 năm, khi anh mới tròn 6 tuổi. Thời gian đi nhanh quá! Tôi hỏi ông Hát-man:

- Xin ông kể đôi nét về Cơ-nút...

“Cháu nó đã đi nghĩa vụ quân sự, anh ạ. Vẫn chưa chịu lấy vợ. Bà nhà tôi đã có ý mong có cháu bé rồi. Cậu ấy bảo: “Hoàn thành nghĩa vụ, trở về nhà, con sẽ tính đến chuyện đó, mẹ đừng lo!”. Xem ra, cậu đã có bạn gái. Cô bé có mái tóc vàng, dài đến ngang lưng, trông khá xinh gái. Cô ở làng bên, dạy mẫu giáo.

Thằng Cơ-nút nhà tôi vừa học xong một lớp nghiệp vụ và sẽ trở thành cán bộ kỹ thuật tại xí nghiệp lai bò giống. Tôi ủng hộ nguyện vọng của cháu. Mẹ nó cũng vậy. Làm việc và lấy vợ ở quê nhà là tuyệt rồi, phải không anh?”

Tôi tỏ lời chúc mừng ông và yêu cầu kể lại chuyến gia đình ông đến gặp Bác Hồ trước đó 19 năm tại làng Mô-rít-xbuốc. Đó là nơi tôi cùng gần 150 bạn, cả nam và nữ, đã được Nhà nước cho sang ăn học trong 4 năm (từ 1955 đến 1959). Theo lời mời của Chủ tịch Vin-hem Pích, Bác Hồ đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Đức 7 ngày (từ 25-7 đến 31-7-1957). Chúng tôi được biết tin về cuộc đi thăm đó từ một tháng trước. Sau bao nhiêu mong mỏi, hy vọng, chúng tôi vô cùng sung sướng được thông báo: Ngày 29-7, Bác Hồ đến thăm chúng tôi.

Tin vui đến, làm mọi người náo nức lạ thường. Mùa hè năm đó, nhà trường tổ chức cho chúng tôi đi nghỉ mát ở vùng Xvô-tha, miền Nam nước Đức, từ ngày 10 đến 25 tháng 7. Nhưng, chúng tôi đã sống trong một tâm trạng thật khó tả, chỉ mong được trở về trường để chuẩn bị đón Bác. Thông cảm với chúng tôi, nhà trường đã cho phép kết thúc cuộc nghỉ hè sớm hơn một tuần. Chúng tôi phân công nhau dọn dẹp trường sở, các ngã đường, sân bãi, chuẩn bị văn nghệ và cùng nhau làm biểu ngữ với đủ màu sắc để đón Bác. Nhà trường cho xây dựng một lễ đài trên sân, treo bức vẽ chân dung rất lớn của Bác, ở giữa quốc kỳ và quốc huy hai nước.

Nhắc lại cảnh tượng những ngày tuyệt vời đó, ông Hát-man cũng phấn chấn hẳn lên. Và ngày Bác đến Mô-rít-xbuốc thực sự là một ngày hội lớn của thầy trò trường tôi, hơn thế, là ngày hội không bao giờ quên của 500 học sinh, sinh viên Việt Nam, của các bạn học sinh các nước khác như: Triều Tiên, Trung Quốc hiện đang theo học trên khắp nước Cộng hòa Dân chủ Đức. Làng Mô-rít-xbuốc hôm đó như nhộn nhịp hẳn lên, bầu trời và mặt hồ bên lâu đài cũng như xanh hơn, mát hơn.

Ông Hát-man nói:

- Trước kia, tôi cũng có dịp đến Mô-rít-xbuốc, song chỉ là đi tham quan chung quanh lâu đài và khu vực hồ, chứ chưa bao giờ tới tận trường Khê-thê Côn-vít-xơ, nơi các anh các chị từng theo học thời thơ bé. Không ngờ chúng tôi lại được sống những giờ phút tuyệt vời như thế với các bạn Việt Nam trong ngày Bác Hồ đến thăm trường.

Ông Hát-man rất đồng tình với ý nghĩ của tôi: nào ai có thể tưởng tượng được rằng, bao lâu đài Mô-rít-xbuốc - nơi ngày xưa bọn vua chúa ăn chơi, săn bắn lại có một ngày chứng kiến các công dân nhỏ tuổi một nước Á Đông sum vầy đón tiếp vị nguyên thủ quốc gia của mình...

Ông Hát-man lặng lẽ nhìn tôi một thoáng, như nhớ lại từng kỷ niệm của ngày 29 tháng 7 đó, rồi nói:

- Gia đình tôi và nhân dân cả nước chúng tôi đều vui mừng về cuộc đi thăm của Bác Hồ, vì với cuộc thăm này, mọi người sẽ được chứng kiến mối quan hệ

anh em gần bó của nhân dân hai nước chúng ta, được nhìn thấy vị sứ giả tối cao của Việt Nam mà bấy lâu ai cũng nghe tên tuổi với lòng mến yêu, kính phục...

Không nói thì anh cũng có thể thông cảm: Gia đình chúng tôi rất mong mỗi được đến chào Người ở bất cứ đâu, nếu được phép. Song, cũng ngại vì sợ làm phiền Người. Chương trình hoạt động của một cuộc đi thăm lớn như vậy thường rất sát sao. Không ngờ - thật vậy, lại một lần nữa không ngờ - một hôm chúng tôi được Đại sứ quán Việt Nam từ Béc-lin gửi giấy mời đến làng Mô-rít-xbuốc để cùng học sinh đón mừng Người. Thật là điều sung sướng không sao nói thành lời. Thì ra, giữa bao nhiêu công việc bề bộn, Hồ Chủ tịch vẫn nhớ đến chúng tôi. Chúng tôi chuẩn bị lên đường đi Mô-rít-xbuốc với lòng biết ơn và niềm vui thật khó tả. Hai vợ chồng tôi dường như lúc nào cũng nói đến cái giờ phút được đứng bên Người. Cháu Cơ-nút hồi này đã hơn sáu tuổi, cũng biết ít nhiều về Bác Hồ rồi. Chúng tôi cho cháu mặc bộ quần áo đẹp nhất. Cả bà mẹ vợ của tôi, lúc đó 63 tuổi, cũng sung sướng lên đường đi chào Hồ Chủ tịch.

Ngày 29 tháng 7 năm 1957 là một ngày rất đẹp trời. Cả khu trường Khê-thê Côn-vít-xơ được trang hoàng thật long lẫy... Tôi sẽ không bao giờ quên được lúc Người và Đoàn đại biểu Việt Nam tiến vào sân trường giữa tiếng reo hò vang dậy. Người khoác tay cụ Ôt-tô Búc-vít-xơ, một lãnh tụ nổi tiếng của phong trào công nhân Đức, bạn chiến đấu của Người, năm đó đã 78 tuổi, bước lên lễ đài. Người mặc bộ quần áo dạ đen, cổ kín. Bác tươi cười vẫy chào mọi người và

giới thiệu những người cùng đi với Bác. Tôi nhớ nhất khi Bác Hồ mời cụ Búc-vít-xơ ngồi vào ghế danh dự mà Ban tổ chức dành riêng cho Bác. Cụ Búc-vít-xơ từ chối mãi, nhưng không được. Bác Hồ tươi cười nói với thiếu nhi Việt Nam:

- Các cháu có biết bác Búc-vít-xơ là ai không? Bác già rồi, nhưng vẫn chăm lo cho các cháu đây...

Người thăm hỏi và cảm ơn các giáo viên người Đức. Người nói chuyện và căn dặn các cháu của mình. Với giọng ôn tồn, ấm áp, Người dạy rằng, lúc nào các cháu cũng phải nhớ đến nhân dân và các bạn trong nước còn sống chật vật, phải chăm chỉ học tập và ngoan ngoãn, phải biết tiết kiệm, không làm một điều gì để các thầy giáo, cô giáo không hài lòng. Sau này, khi Cơ-nút lớn lên, tôi vẫn thường nhắc lại cho cháu nghe lời dạy đó của Bác Hồ để giáo dục cháu ngày càng tiến bộ, xứng đáng với sự mong mỏi của Người...

Vừa nghe ông Hát-man kể, tôi cũng vừa bồi hồi nhớ lại từng chi tiết sống động của ngày 29 tháng 7 tuyệt vời đó. Sự kiện đó thuộc vào những kỷ niệm quan trọng nhất của đời tôi... Trong ký ức của tuổi thơ, tôi thấy hiện lên rất rõ từng hình ảnh, cử chỉ, lời nói của Bác. Ông Hát-man nói tiếp:

- Giữa cuộc tiếp đón của hàng trăm con người, mọi người trong gia đình tôi những tưởng khó mà được gặp riêng Bác Hồ. Bởi vì, theo chương trình, Người còn nghe các cháu báo cáo thành tích trong học tập và tu dưỡng, xem các cháu biểu diễn văn nghệ và đi thăm các cơ sở của nhà trường. Trong khi đại biểu học

sinh Việt Nam đang báo cáo, tôi chợt thấy Người quay lại nói nhỏ một điều gì đó với đồng chí giúp việc của Người. Đồng chí đó đã ra hiệu cho đồng chí trưởng đoàn giáo viên Việt Nam lại gần và có lẽ là truyền đạt lại ý kiến của Bác. Tôi thấy đồng chí giáo viên đưa mắt nhìn xuống phía trước lễ đài để tìm một người nào đó. Khi nhận ra chúng tôi, đồng chí tiến lại gần, nét mặt rất vui, nói với giọng đầy xúc động rằng Hồ Chủ tịch muốn gặp cậu con đỡ đầu của Người.

Chúng tôi cảm ơn đồng chí và xúc động bước lên lễ đài, nơi Bác Hồ và cụ Búc-vít-xơ ngồi cạnh nhau. Cơ-nút rút rè bước lại gần Người. Người tươi cười đưa tay đón Cơ-nút vào lòng và hôn lên hai má cháu. Cũng vừa lúc đại biểu học sinh báo cáo xong. Chúng tôi có điều kiện được chào Người, bày tỏ với Người niềm vinh hạnh to lớn của gia đình tôi. Sau đó, với tư cách là Chủ tịch Hội đồng hòa bình thành phố Dép-nít-xơ, tôi thay mặt toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình của thành phố kính dâng Người một đóa hoa hồng rực rỡ làm bằng giấy do chính nhân dân quê tôi làm ra. Từ lúc đó, Cơ-nút được ngồi cạnh Bác Hồ kính yêu. Người thỉnh thoảng xoa đầu cháu, có khi đưa tay xoa cằm cháu. Cơ-nút đã hết rút rè, dường như không muốn rời Người ra nữa. Chúng tôi còn giữ được một số tấm ảnh về những giờ phút đáng ghi nhớ này. Cơ-nút bao giờ cũng mang một trong số những ảnh đó bên mình, dù lúc còn học ở trường hay khi tham gia quân đội...

Sau khi Hồ Chủ tịch đi chụp ảnh với từng nhóm học sinh Việt Nam và thăm khu trường, Người cho

chúng tôi được tiếp xúc riêng với Người một lần nữa. Người tặng chúng tôi những món quà quý: Hai con trâu khắc bằng ngà, một tập ảnh phong cảnh và ba quyển báo ảnh Việt Nam. Tôi trân trọng gắn lên áo Người chiếc huy hiệu danh dự bằng vàng của Hội đồng hòa bình toàn quốc mà tôi được tặng trước đó hai năm. Người ân cần hỏi thăm mẹ tôi, vợ tôi và sau cùng nói với hai người một câu tiếng Đức là “Chúc mọi điều tốt lành và hẹn gặp lại”. Cơ-nút lại được Bác Hồ âu yếm ôm vào lòng, hôn lên má. Bác căn dặn chúng tôi gắng dạy bảo cháu trở thành một em bé ngoan, chăm chỉ, mạnh khỏe và tiến bộ. Người nhờ tôi chuyển lời chào và lời cảm ơn của Người tới toàn thể nhân dân thành phố Dép-nít-xơ, bày tỏ tình hữu nghị sâu sắc nhất của nhân dân Việt Nam với nhân dân Cộng hòa Dân chủ Đức, trong đó có nhân dân Dép-nít-xơ. Tôi nắm chặt bàn tay Người, hứa với Người sẽ thực hiện đầy đủ những điều Người căn dặn và kính chào Người bằng tiếng Việt: “*Xin tạm biệt Bác Hồ*”.

Người nở nụ cười hồn hậu và kể từ giây phút đó, Người để lại trong lòng chúng tôi một hình ảnh vô cùng tươi sáng, vô cùng gần gũi...

THEO TỤC LỆ TỪ NGÀN XƯA Ở NƯỚC NGÀ...

Anh X.Cô-lô-xốp, từng là phóng viên của Thông tấn xã Liên Xô APN, đã kể lại một câu chuyện cảm động. Đó là cuộc gặp gỡ, trò chuyện của anh với một gia đình Xô-viết có vinh dự được Bác Hồ kính yêu của chúng ta nhận con gái của họ làm con đỡ đầu. Người con gái Nga này có tên là I-ri-na Đì-mi-tơ-ri-ép-na Đê-ni-a, sinh vào mùa xuân năm 1958, đến nay vừa tròn 40 tuổi...

Từ câu chuyện của Cô-lô-xốp, ta biết gia đình Xô-viết kia là Đì-ô-min-nưi, ở thành phố Giu-cốp-xki thuộc ngoại ô Mát-xcơ-va. Năm 1957, Bác Hồ sang Liên Xô dự lễ kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Cũng như mọi người dân Xô-viết, vợ chồng anh Đì-mi-tơ-ri Gơ-ri-go-rê-vích và chị An-na Xta-xi-a Va-xi-lép-na vô cùng hào hứng theo dõi những cuộc gặp gỡ giữa vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam với các tầng lớp nhân dân lao động Thủ đô Mát-xcơ-va. Năm ấy, họ còn rất trẻ (anh 30 tuổi, chị 25). Nhìn thấy hình ảnh Bác Hồ trên đài truyền hình và qua phim ảnh, anh chị đặc biệt cảm động trước thái độ nồng hậu của vị lãnh tụ tối cao của một dân tộc vừa đánh thắng bọn thực dân xâm lược. Từ lòng yêu

mến, họ cảm thấy gắn bó với Người, mặc dù chưa một lần họ được thừa chuyện, tiếp xúc với Người.

Năm sau đó, vào mùa xuân, họ sinh cháu gái đầu lòng. Cặp vợ chồng vô cùng vui sướng và họ mong muốn được chia sẻ niềm vui đó với Bác Hồ. Anh chị trao đổi với nhau, rồi quyết định viết thư lên Hồ Chủ tịch. Trong bức thư gửi đi Hà Nội, anh chị viết:

“Chúng cháu được biết, tình yêu của Người đối với trẻ em và của trẻ em đối với Người vô cùng sâu sắc. Theo phong tục Nga cổ truyền, một phong tục tốt đẹp ở nước Nga, chúng cháu chân thành yêu cầu Người làm cha đỡ đầu của đứa con nhỏ của chúng cháu - con gái tên là I-ri-sơ-ca”.

Khi trò chuyện với nhà báo X.Cô-lô-xốp, chị An-na Xta-xi-a Va-xi-lép-na, bây giờ đã là một bác sĩ cao tuổi vẫn còn tỏ ra hồi hộp về bức thư được gửi đi mùa xuân năm ấy. Bác sĩ nói:

- Ngày đó, tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nổi tiếng và có sức hấp dẫn vô cùng. Báo chí Liên Xô liên tục đưa tin về sự phát triển trong mối quan hệ anh em giữa Liên Xô và Việt Nam - mối quan hệ do Người và các nhà lãnh đạo tiền bối của Liên Xô gây dựng và vun đắp nên. Lúc đầu, gia đình tôi không hề nghĩ là Bác Hồ sẽ trả lời thư của chúng tôi, càng không hy vọng là Bác sẽ nhận làm cha đỡ đầu cho con gái chúng tôi. Bây giờ nghĩ lại, thực ra, việc con gái chúng tôi ra đời thì cũng bình thường như bao nhiêu em bé khác, có gì quan trọng mà phải viết thư cho một vị lãnh đạo nhà nước vốn bận rộn biết bao việc hệ trọng. Nhưng, như anh biết đấy, ở nước Nga chúng ta, từ

thuở xa xưa đã có tục nhận cha nuôi cho trẻ mới sinh. Những người được mời làm cha nuôi là người đáng kính nhất. Tuy vậy, không phải vợ chồng tôi chọn Chủ tịch của nước anh em - một nhà cách mạng nổi tiếng - làm cha nuôi cho I-ri-na với lý do bình thường theo tục lệ cổ truyền. Đây chính là cách bày tỏ tình đoàn kết của chúng tôi với sự nghiệp tốt đẹp của nhân dân Việt Nam và cũng là để tỏ lòng kính trọng của gia đình chúng tôi - cũng như mọi người Xô-viết đối với vị Chủ tịch của nước Việt Nam tự do...

Đi-mi-tơ-ri Gơ-ri-gô-rê-vích, bây giờ đã là Trưởng phòng của nhà máy chế tạo thiết bị xây dựng, đỡ lời vợ:

- Nhưng rồi, thật sung sướng biết bao, chẳng bao lâu sau, chúng tôi đã nhận được thư trả lời của Người! Đây, đây, mời anh đọc bức thư đó...

X.Cô-lô-xốp cho biết: Gia đình Đì-ô-min-nưi vẫn giữ gìn rất cẩn thận những bức thư, điện, những trang báo, trang sách từ mấy chục năm nay có liên quan đến Hồ Chủ tịch. Bác trai lại là người yêu thích môn địa lý, khắp nhà thấy treo bản đồ, tranh ảnh, cờ của các quốc gia và các thành phố trên thế giới. Niềm vui thú sưu tầm này đã ảnh hưởng rất lớn đến cô con gái đầu lòng. I-ri-na đã sưu tầm khá nhiều sách báo nói về cha đỡ đầu của mình. Việc ấy, ở phần dưới, chúng tôi sẽ nói rõ thêm.

Bức thư trả lời của Bác Hồ như sau:

“Cô An-na Xta-xi-a Va-xi-lép-a và chú Đì-mi-tơ-ri Gơ-ri-gô-rê-vích thân mến!

Tôi đã nhận được thư của cô chú và chân thành cảm ơn cô chú đã mời tôi làm cha đỡ đầu cho con gái của cô chú. Tôi mong rằng sự nhận lời của tôi sẽ thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết anh em giữa hai dân tộc Việt Nam và Liên Xô.

Hôn con gái đỡ đầu bé nhỏ của tôi và chúc cháu được mạnh khỏe, hạnh phúc. Chúc cô chú đạt nhiều thành tích trong công tác, trong cuộc sống.

Chào thân ái,

Hồ Chí Minh”

Ngoài lá thư ra, Bác còn gửi kèm một bức chân dung của Người. Trên tấm ảnh, Người viết dòng chữ bằng tiếng Nga rất rõ nét:

“Hôn con I-ra-sơ-ca, chúc con mạnh khỏe và hạnh phúc!

Cha nuôi Hồ”

Từ đấy, những gì Bác Hồ gửi cho đều được bố mẹ I-ra-sơ-ca, rồi sau này đến cô trực tiếp giữ gìn cẩn thận như những kỷ niệm quý báu nhất.

Tháng 5 năm 1960, gia đình Đi-ô-min-nưi lại nhận được lá thư khác của Hồ Chủ tịch. Lá thư này ngắn hơn, nhưng tình cảm vẫn thấm thiết như hai năm trước:

“Tôi đã nhận được thư của cô chú.

Tôi gửi lời chào thăm thiết nhất tới bé I-ra-sơ-ca. Chúc bé khỏe, hạnh phúc.

Hôn bé.

Hồ Chí Minh”

Đến mùa thu năm đó, khoảng đầu tháng 11 năm 1960, Bác sang thăm Liên Xô. Gia đình Đi-ô-min-nui được mời đến thăm Bác Hồ. Điện ghi rõ là 10 giờ sáng ngày 13 tháng 11 có mặt tại Đại sứ quán nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Mát-xcơ-va. Bác sĩ An-na Xta-xi-a Va-xi-lép-na nhớ lại:

- Lúc đó chúng tôi nghe đài, đọc báo, biết là Hồ Chủ tịch đang ở thăm Mát-xcơ-va, dự lễ kỷ niệm Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Thật lòng mà nói, chúng tôi nghĩ là có khả năng được gặp Người. Và điều đó đã thành sự thật.

Đúng giờ hẹn, chúng tôi đến Đại sứ quán. Ngày hôm đó, trời rét như cắt, kiếm được bó hoa thật khó. Vì vậy, ai cũng nhìn vào lẵng hoa cúc tôi cầm trên tay. Chúng tôi được đến ngôi nhà trên phố A-lếch-xây Tôn-xtôi, nơi nghỉ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người tới đón chúng tôi rất vui vẻ, hỏi thăm về cuộc sống, về công việc. Người âu yếm chuyện trò với I-ra. Lúc đó, cháu mới hai tuổi. Cháu gọi Người là ông nội...

Nghe vợ kể, bác trai gật đầu đồng tình và tỏ vẻ hạnh phúc trong một kỷ niệm đẹp đã rất xa. Bác nói:

- Bác Hồ nói tiếng Nga thoải mái, tự nhiên như người Nga chúng ta vậy. Người biết nhiều thứ tiếng và coi tiếng Nga là tiếng mà người cách mạng nào cũng phải biết, vì đó là tiếng nói của Lê-nin. Người cũng biết những bài hát Nga. Người và chúng tôi đã cùng nhau hát bài *Ca-chiu-sa* và *Chiều ngoại ô Mát-xcơ-va*.

Vừa trò chuyện, Người vừa quan tâm chăm sóc I-ra, cho cháu nào táo, nho, nào kẹo, bánh. Người còn kể chuyện cổ tích Việt Nam.

Thấy Người âu yếm với I-ra, chúng tôi hỏi Người có con trai hay con gái không?

Người nhẹ nhàng trả lời:

- Tất cả trẻ em trên thế giới là con tôi!

Cả nhà còn được mời ở lại ăn trưa với Bác Hồ.

Sau này lớn lên, qua lời kể của bố mẹ, I-ri-na biết rất rõ buổi gặp gỡ này. Khi đi học, cô đã viết thư cho Bác Hồ. Trong những năm chiến tranh gian khổ chống Mỹ, dù bận rộn đến mấy Bác Hồ vẫn dành thời gian trả lời cho con gái đỡ đầu yêu quý của mình.

Tháng 9 năm 1969, được tin Người qua đời, cả gia đình Di-ô-min-nui vô cùng thương tiếc. Cô bé I-ri-na 11 tuổi, lặng lẽ đi cùng bố mẹ trong dòng người rất dài, gồm cả dân Liên Xô và dân Việt Nam đang ở Mát-xcơ-va và các vùng lân cận đến Đại sứ quán Việt Nam để viếng Người, để tỏ lòng thành kính sâu sắc đối với Bác Hồ - một người thân thiết, người cha yêu quý của cô, một người bạn lớn của nhân dân Liên Xô...

I-ri-na hiện nay làm gì? Trả lời câu hỏi của nhà báo X.Cô-lô-xốp, cha mẹ cô cho biết: Cô đang cùng chồng là I-go Tribixốp khai thác dầu khí ở Chi-u-men (Tây Xi-bia-ri). Sau khi tốt nghiệp trung học loại ưu, I-ri-na đã từng phục vụ trong ngành công an. Chồng cô là cán bộ ngành hàng không dân dụng. Hai vợ chồng đã có con gái, tên là Vô-rô-ni-ca. Họ sống ở làng Ta-ô-giơ-nui, cách Chi-u-men không xa.

Bác trai nói:

- I-go là phi công lái trực thăng phục vụ khai thác dầu. Ở vùng này, khí hậu ác nghiệt, mùa đông dưới 50 độ âm. Tuy vậy, thiên nhiên vùng Xi-bi-ri cũng thật đẹp... Con, cháu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những người yêu lao động và dũng cảm trụ vững ở vùng đất này.

*
* *

Đến đây, câu chuyện về người con gái đỡ đầu của Bác Hồ ở nước Nga đã có thể kết thúc. Nhưng, như đã nói, I-ri-na có một niềm hứng thú như người cha là sưu tầm những gì họ thích. Trong mấy chục năm qua, cô sưu tầm các hình ảnh, sách báo về Bác Hồ và vì vậy có những người bạn thân ở Việt Nam. Cô cùng Đào Tăng Kiệm - một cô gái Việt Nam được Bác Hồ đặt tên - kết nghĩa chị em. Đào Tăng Kiệm là con gái một nhà văn có tên tuổi ở nước ta, hiện là cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Sau này, có điều kiện tôi sẽ giới thiệu những bức thư trao đổi thân tình của hai chị em...

Nhờ sưu tầm những bài viết đã đăng báo và in sách về Người cha đỡ đầu kính yêu, I-ri-na hiểu hơn mối quan hệ gắn bó của Người với đất nước của Lê-nin. Cô vui sướng tìm hiểu quãng thời gian Người đến Liên Xô vào giữa những năm 20 của thế kỷ và rất cảm động khi biết rằng, năm 1924, Người đáp tàu bí mật sang Mát-xcơ-va “để gặp đồng chí Lê-nin”; khi tới nơi thì Lê-nin qua đời trước đó ba ngày rồi. Cô say sưa đọc những bài Người viết về Lê-nin, về quê

hương của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại. Trong những ngày đầu, tiếng Nga chưa thạo, đường đi lối lại còn lạ lẫm, song Người mãi mê nghiên cứu nhiều vấn đề trong công cuộc xây dựng ở Nga. Qua một quyển sách do bạn bè ở Việt Nam gửi cho, I-ri-na được đọc về mối quan tâm của cha đỡ đầu - hồi đó là Nguyễn Ái Quốc - về vấn đề nhi đồng ở Liên Xô. Quyển sách ấy viết khá kỹ, I-ri-na đã chép lại, để riêng trong tập tư liệu của cô:

“Vì ông Nguyễn rất yêu trẻ con nên ông nghiên cứu kỹ vấn đề nhi đồng ở Liên Xô. Lúc mới đẻ, mỗi đứa trẻ được giúp tiền may quần áo, được uống sữa lọc trong chín tháng không mất tiền. Mỗi tuần thầy thuốc đến thăm nhiều lần. Người mẹ được nghỉ hai tháng trước và sau khi đẻ, vẫn được lương. Mỗi nhà máy có một chỗ nuôi trẻ do những thầy thuốc và nữ y tá trông nom. Người mẹ làm thợ cứ vài giờ lại được nghỉ việc trong mười lăm phút để cho con bú. Những đứa trẻ ngoài chín tháng có thể gửi ở những vườn trẻ, có thầy thuốc chăm sóc.

Buổi sáng, khi đứa trẻ đến, thầy thuốc khám và cân. Rồi người nữ y tá tắm cho nó và bận áo quần sạch sẽ của vườn trẻ. Khi mới đến và hai giờ chiều nó được uống sữa, mười giờ sáng và bốn giờ chiều được ăn cơm. Mỗi đứa trẻ có một cái giường nhỏ để nghỉ trưa từ mười một giờ đến một giờ chiều. Có những bàn ghế và đồ dùng nhỏ hợp với trẻ em. Trang hoàng thì có những chậu hoa và những bức tranh vui, vẽ thú vật chim chóc, cây cối hoặc những chuyện trẻ con.

Tất cả đồ chơi đều do vườn trẻ cung cấp. Trẻ em ngoài bốn tuổi, bắt đầu học đếm và học những chữ cái với những đồ chơi. Ví dụ đếm bàn ăn, chúng vừa chia những nĩa nhỏ nhỏ hoặc những cái bát nhỏ cho các bàn vừa đếm một, hai, ba, bốn, v.v... Có những khối gỗ nhỏ nhỏ sơn nhiều màu và có nhiều chữ vừa là đồ chơi vừa là sách học. Trẻ em lớn tuổi hơn có những đồ chơi khác. Chúng có đủ đồ để học vẽ, học nặn. Có một mảnh vườn con để tập trồng trọt.

Trẻ em được tự do làm theo ý thích của chúng. Chỉ khi nào đứa trẻ đã làm xong hoặc chơi xong, lúc bấy giờ người phụ trách mới phê bình hoặc gợi ý.

Người ta khuyên bảo trẻ, không bao giờ mắng hoặc phạt và trẻ em luôn luôn ngoan.

Nhờ sự săn sóc như thế, trẻ em lớn lên tươi đẹp như hoa hồng mùa xuân.

Hết giờ làm việc, cha mẹ đến tìm con. Thường thường các em muốn ở lại vườn, không thích về nhà.

Có thể gửi trẻ vào vườn cho đến tám tuổi. Đến tám tuổi, trẻ em bắt đầu đi học. Học sinh mỗi buổi sáng được một bữa ăn uống không mất tiền.

Ngoài trường học, thì có đội thiếu nhi chăm sóc các em.

Các thành phố lớn đều có cung văn hóa của thiếu nhi. Đây là một lâu đài rộng lớn, có đủ các thứ để cho trẻ có thể vừa chơi vừa học. Ở đây có văn chương, nhạc, thiên văn, hóa học, nhà hát, trò chơi, v.v... cho

đến cả tàu điện, ô-tô và xe lửa. Mỗi một thứ đó đều do một nhà chuyên môn giảng giải cho trẻ em.

Kết quả của lối giáo dục tự do này rất tốt.

Ví dụ: một bé em mười hai tuổi đã tự mình làm được một máy vô tuyến điện tí xíu có thể để trong hộp diêm, em khác mới mười bảy tuổi đã giúp được việc cho đài thiên văn Mát-xcơ-va.

Ở cửa bể Ô-đét-xa có mấy chiếc tàu nhỏ mà nhân viên từ người chỉ huy cho đến người cầm lái, đều là các em thiếu nhi.

Trong một thành phố khác, có một đường xe lửa dài năm cây số của thiếu nhi do thiếu nhi điều khiển.

Các thành phố đều có thư viện và cửa hàng sách đặc biệt cho trẻ em.

Thiếu nhi có một tờ báo riêng. Tờ “Sự thật thiếu nhi” ở Mát-xcơ-va có một số lớn biên tập viên và thông tin viên trẻ em với độ một triệu bạn đọc nhỏ.

Những trẻ em đặc biệt có tài năng được chính phủ giúp đỡ. Ví dụ: Chính phủ đã giao cho những giáo sư âm nhạc phụ trách năm trẻ em có khiếu âm nhạc. Trong cuộc thi âm nhạc quốc tế ở thủ đô nước Bỉ, những em này đã được giải thưởng nhất, ba, tư và hai giải khuyến khích.

Về mùa hè, thiếu nhi được đi nghỉ một tháng ở những nơi nghỉ mát, ngoài bể hoặc trên rừng thông. Những nhà nghỉ mát đều như những cung điện rất sang. Bữa ăn ngon và nhiều. Sau một tháng chơi và nghỉ, các em nặng thêm từ hai đến bốn ki-lô.

Nói tóm lại, cái gì tốt nhất đều để dành cho trẻ em. Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất

cả mọi người thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ em. Vì vậy sự sinh đẻ tăng lên rất mau và nạn chết yểu giảm xuống rất thấp.

Thiên đường của trẻ em này không làm cho ông Nguyễn quên Tổ quốc Việt Nam. Trái lại ông càng nghĩ nhiều hơn đến trẻ em nước nhà. Ông cũng muốn làm cho chúng sung sướng, mạnh khỏe như những trẻ em Liên Xô...”

Đọc những trang này, I-ri-na càng hiểu vì sao vị Cha nuôi đã vui lòng nhận lời làm cha đỡ đầu của cô, theo yêu cầu của bố mẹ. Người nói: “*Tất cả trẻ em thế giới là con của tôi*”, chính là vì Người có một trái tim tràn đầy niềm yêu thương con người, đặc biệt với thế hệ trẻ. I-ri-na có thể hình dung ra những ngày đầu Người hoạt động trên quê hương của cô, những ngày đã xa, rất xa - khi mà ngay bố mẹ cô cũng chưa ra đời. Những gì cha đỡ đầu của cô nhìn thấy, nghe thấy ngày ấy thật sự là những trang sử sinh động, tuyệt vời của con người Xô-viết trong buổi đầu xây dựng và phát triển đất nước.

Cô tìm đọc những quyển sách viết về tiểu sử của Cha Hồ, về các cuộc đi thăm chính thức và không chính thức của Người tại Liên Xô. Là người Việt Nam đầu tiên tìm thấy ở chủ nghĩa Lê-nin con đường giải phóng Tổ quốc và cũng là người Việt Nam đầu tiên đến Liên Xô và sau đó còn đến nhiều lần, Cha Hồ kính yêu có những mối quan hệ thân thiết với biết bao người Xô-viết! Cô cũng đã được nghe kể về cuộc nghỉ hè của Người tại Liên Xô trong thời gian một tháng (7-1959) trên một chiều dài 16.200 ki-lô-mét, để lại

trong lòng nhân dân nhiều địa phương những kỷ niệm đẹp đẽ như những trang huyền thoại. I-ri-na được nghe kể: Trong đêm đầu tiên của cuộc nghỉ hè kỳ diệu ấy, Người đã vượt ngót trăm cây số xe hơi đến dự cuộc liên hoan của trại hè thiếu nhi lếch-cút. Có một nhà báo cùng đi đêm ấy tả lại: *"Giữa trời đêm, vầng trăng tha thần soi bóng trên mặt hồ Baican cách không xa ngọn lửa trại rực hồng. Chung quanh đó, các em thiếu nhi đàn, hát, múa và biểu diễn vở ba-lê "Hồ Thiên Nga". Các em ríu rít, quăn quít bên Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người cha hiền từ, giản dị như một ông tiên đem lại cho các em muôn vàn tình thân yêu..."*.

Năm ấy, bé I-ra-sơ-ca (I-ri-na) mới đầy tuổi tôi, không biết rằng cha đỡ đầu của mình cũng đã vui chung và âu yếm hôn biết bao em bé trên quê hương Xô-viết. Bây giờ lớn lên, cô cứ ngỡ mình cũng có mặt trong cái đêm huyền thoại lếch-cút ấy...

I-ri-na sưu tầm nhiều tờ báo, tạp chí, trong đó có những trang hồi ức của bầu bạn Liên Xô về cha đỡ đầu kính yêu của cô. Có lẽ, một trong những hồi ức cô thích nhất là của bà Va-len-ti-na Va-vi-li-na, từng là Tổng biên tập xuất sắc của Tạp chí *"Ra-bốt-nhít-xa"*, ủy viên Đoàn Chủ tịch ủy ban Phụ nữ Liên Xô, Phó chủ tịch Hội hữu nghị Xô- Việt. Bà đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vào mùa hè 1956 khi dẫn đầu Đoàn đại biểu phụ nữ Liên Xô sang Hà Nội dự Đại hội lần thứ II của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Theo lời kể của bà, cùng những ghi chép trong những cuốn sổ tay màu xanh, bà nói rằng đó là "một sự kiện để lại dấu

ấn vĩnh viễn trong tâm hồn” bà. I-ri-na đặc biệt hào hứng với đoạn kể: “Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết Người đã gặp N.C.Crúp-xcai-a mùa hè năm 1924 ở Mát-xcơ-va, tại Hội nghị quốc tế các nữ cộng sản lần thứ III. Lúc đó, Người làm việc ở Quốc tế Cộng sản và được mời tham gia hội nghị này với tư cách là khách danh dự. Người ngồi ở ghế Chủ tịch đoàn gần Crúp-xcai-a và trong giờ nghỉ Người đã làm quen với bà. Người kể rằng, Crúp-xcai-a rất chú ý tới những điều Người kể về các sự kiện ở Đông Dương, về sự phát triển của phong trào cách mạng, đặc biệt là về việc phụ nữ tham gia phong trào cách mạng... Người nói: Đó là niềm vui lớn lao khi được làm quen với N.C.Crúp-xcai-a, nói chung khi được làm quen với những con người của trường phái Lê-nin những vị có đạo đức cao, có suy nghĩ và hành động trong sạch...”.

Bằng những hình ảnh, những quyển sách, những câu chuyện như vậy, I-ri-na làm cho tâm hồn mình thêm phong phú về người cha đỡ đầu của mình, về tình hữu nghị thắm thiết Xô-Việt, tình hữu nghị được viết qua thử thách của cách mạng lâu dài. Cô tự hào về việc bố mẹ cô đã chọn cho mình một người cha đỡ đầu đáng kính như vậy. Theo tục lệ từ ngàn xưa của người Nga, cha đỡ đầu là người thân của cả dòng họ đưa con đỡ đầu. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người thân của dòng họ gia đình Đê-ô-min-nui mà của hàng triệu, hàng chục triệu con người Xô-viết.

ĐỒ LỆ HOA - “CON NHẬN” Ở CÔN MINH

Bộ phim “*Hồ Chí Minh với Trung Quốc*”, dài 7 cuốn, do Đặng Nhật Minh, Đào Trọng Khánh biên kịch, Thanh An, Đào Trọng Khánh đạo diễn, Hãng phim điện ảnh Việt Nam sản xuất đã gây trong tôi ấn tượng mạnh mẽ về những tình cảm sâu đậm và rất con người của Bác Hồ kính yêu với mọi người mà Người tiếp xúc, thân quen trên lãnh thổ bao la của đất nước Trung Hoa.

Đất nước ấy, Người đã đặt chân tới từ khoảng giữa những năm 20 của thế kỷ XX. Lúc bấy giờ, để hoạt động, Người đi bán thuốc lá và bán báo. Rồi Người làm phiên dịch cho ông Bô-rô-đin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên và của Chính phủ Quảng Châu. Và Người đã dồn hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc, nhất là ba nguyên tắc của bác sĩ Tôn Dật Tiên: Dân tộc độc lập, dân quyền độc lập, dân sinh hạnh phúc... Chuyện đã xa, nhưng không thể không nhắc lại: Trên đất Trung Hoa, Bác Hồ đã sáng lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Biết bao thanh niên ưu tú của Tổ quốc Việt Nam đã được

Người đào tạo, giáo dục lý luận giải phóng dân tộc, tổ chức nhân dân ở Trung Quốc.

Cũng như Pháp, Nga, Trung Hoa là nơi Bác Hồ có nhiều kỷ niệm đặc biệt gắn bó, có sức vang động sâu xa đến tình cảm của cả hai dân tộc. Tập thơ *"Nhật ký trong tù"* là viên ngọc sáng chói của nền văn học nước nhà, được Bác Hồ sáng tác trong những ngày tù ngục ở miền nam Trung Quốc, trong một giai đoạn lịch sử tăm tối, quyết liệt, đầy thử thách...

Trước khi xem phim *"Hồ Chí Minh với Trung Quốc"*, tôi được đọc khá nhiều hồi ký của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam từng hoạt động với Bác Hồ ở Trung Quốc, đọc sách về những chuyến thăm chính thức, những chuyến đi nghỉ hè của Bác tại đây và biết rằng Bác Hồ được nhân dân Trung Hoa, nhất là các em nhỏ, vô cùng yêu mến.

Một anh bạn tôi, nghệ sĩ nhiếp ảnh, chẳng mấy khi viết văn, vậy mà đã kể lại trong một bài báo những kỷ niệm ở Giang Tô bằng những nét thật nên thơ: *"Về Giang Tô, chúng tôi gặp lại sông Trường Giang vĩ đại đã chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử oai hùng của Trung Quốc từ ngàn xưa tới nay. Chuyện kể rằng, phía Bắc Trường Giang gọi là Giang Bắc, phía Nam gọi là Giang Nam. Phía Bắc là đất của Ngô Phù Sai, phía Nam là đất của Việt Vương Câu Tiễn. Qua bao năm dài chinh chiến, sau khi giúp Việt Vương chiến thắng Ngô Phù Sai, Phạm Lãi đã từ giã quan trường cùng Tây Thi sống ẩn dật tại Thái Hồ, một thắng cảnh tuyệt vời của thành phố Vô Tích. Thái Hồ rất rộng, lòng hồ có những hòn đảo nhỏ, du khách có thể ngồi thuyền tới đó vãn*

cảnh và ngắm nhìn các kiến trúc đặc sắc của Trung Hoa. Một đồng nghiệp của bạn cho biết: Thái Hồ đẹp nhất vào mùa xuân, hoa anh đào nở khắp núi đồi, buổi sáng lãnh đang sương mờ, xa xa ẩn hiện núi đồi. Chiều tà, ánh thái dương phản chiếu lấp lánh mặt hồ, đây đó là những chiếc thuyền đánh cá Dân Ngự.

Khi lên Trùng lan Đường được xây dựng trên một khoảng đồi cao, thoáng chúng tôi có thể nhìn bao quát cả Thái Hồ. Phía trong, trên bức hoành phi khảm 4 chữ vàng “Thiên nhiên đồ họa” (bức tranh thiên nhiên).

Ông Nhiệm Hoàn Tử, Phó chủ tịch Hiệp hội Nhiếp ảnh gia thành phố Vô Tích kể với chúng tôi rằng: năm 1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ngồi bên chiếc bàn này uống trà, ngắm cảnh. Rồi chỉ tay sang bên kia hồ, một ngôi nhà màu vàng có tầng chòi xây trên quả núi, ông nói: Bác Hồ cũng đã từng nghỉ tại ngôi nhà đó “Vô Tích tiểu cơ sơn viên quán” chính là tên gọi ngôi nhà lịch sử này. Ông Nhiệm bồi hồi nhắc lại kỷ niệm xưa: Bác Hồ đã qua cầu Trường Xuân, xuống ven hồ hỏi han, chuyện trò thân mật với người dân...”.

Không phải ngẫu nhiên mà tôi đã trích dài bài viết của anh bạn tôi. Tôi chỉ lưu ý một chi tiết: năm 1962 ấy, Bác Hồ đã nghỉ ở Thái Hồ, một vùng phong cảnh nên thơ, một dải đất lịch sử mà Người rất am tường. Cũng năm 1962 ấy, sang tháng 8, Người đi nghỉ tại Côn Minh thuộc tỉnh Vân Nam. Tại đây, trong một buổi xem đoàn văn công tỉnh Vân Nam biểu diễn, Người đã gặp một nữ ca sĩ và nhận chị làm con gái của mình.

Nữ ca sĩ ấy tên là Đỗ Lệ Hoa.

Đỗ Lệ Hoa cũng được giới thiệu trong phim “*Hồ Chí Minh với Trung Quốc*”.

Bài báo giới thiệu bộ phim này đăng trên tờ *Nhân dân*:

“Từ những tư liệu phim ảnh về tình bằng hữu giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà lãnh đạo cách mạng Trung Quốc như: Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Trần Canh, Vi Quốc Thanh... đến những người còn sống như phu nhân Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, phu nhân tướng Trần Canh, bà già dân tộc thiểu số, vợ của Từ Vĩnh Tam, người bác sĩ đã nhiều năm chăm sóc sức khỏe cho Bác, cô ca sĩ năm nào đã biểu diễn phục vụ Bác, nay tóc đã hoa râm, đang hát bài “Lãnh tụ ca” để tưởng nhớ về vị lãnh tụ Việt Nam, đã nhận mình làm “con nhận” năm nào...”

Xem bộ phim, nghe Đỗ Lệ Hoa hát, tôi thật xúc động và rất mong có dịp được gặp, trò chuyện với nữ ca sĩ nổi tiếng ấy. Những ngày ở Côn Minh, Bắc Hồ của chúng ta đã tới thăm Khu rừng đá Lộ Nam và nghỉ tại khách sạn Rừng Đá. Trong khách sạn, tại buổi xem đoàn văn công tỉnh Vân Nam biểu diễn, khi tiếng hát của nữ ca sĩ Đỗ Lệ Hoa hát bài Tiếng đàn tơ rưng bằng tiếng Việt vừa dứt, Người bắt tay Đỗ Lệ Hoa và nói:

- “Cháu đúng là nghệ sĩ của nhân dân hai nước Trung - Việt! Hát rất giống, lại rất hay!”

Được Bác Hồ khen, còn gì vinh dự và sung sướng bằng! Và, điều vinh dự, sung sướng khác mà chị không ngờ tới: được Bác Hồ nhận làm con của Người!

Không được sang Vân Nam để gặp và hỏi chuyện chị, đó là thiệt thòi cho người viết bài này. Nhưng, bù

lại, tôi đến gặp anh Thanh An, Phó Tổng Thư ký Hội điện ảnh Việt Nam, đạo diễn bộ phim xuất sắc "*Hồ Chí Minh với Trung Quốc*" để đề nghị anh cung cấp thêm tư liệu về ca sĩ Đỗ Lệ Hoa. Tại buổi tiếp thân tình, đạo diễn Thanh An kể:

- Chị Đỗ Lệ Hoa hiện là *Danh ca cấp I của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. Chị sinh năm 1933, quê Côn Minh, thủ phủ Vân Nam. Chị rất được nhân dân ở đây trọng vọng, được bầu vào Hội đồng nhân dân thành phố. Chồng chị chơi nhạc cụ cổ truyền Trung Quốc. Vợ chồng chị đã có hai con.

Chị Tô Nhã, Giám đốc điện ảnh tỉnh Vân Nam - nơi hiện có 800 rạp chiếu bóng - đã lấy xe riêng đưa đoàn làm phim Việt Nam đến thăm chị Đỗ Lệ Hoa. Đoàn có: Thanh An và Đào Trọng Khánh là đạo diễn; Nguyễn Huy Hoan, nguyên Phó Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh, cố vấn; Hoàng Tấn Phát, cán bộ giảng dạy Đại học điện ảnh và sân khấu Hà Nội; Nguyễn Quốc Thành, quay phim thuộc xưởng phim TP. Hồ Chí Minh; Trần Anh, quay phim thuộc xưởng phim tài liệu - khoa học Trung ương; Lê Huy Hòa, kỹ sư; Nguyễn Văn Tân, Phó trưởng ban đối ngoại Hội điện ảnh Việt Nam.

Đoàn đã được ca sĩ nồng nhiệt đón tiếp tại nhà riêng ở tầng 2 trong một khu tập thể do Nhà nước cấp, gồm 6 buồng rất khang trang. Trong nhà có những tấm ảnh chị chụp với Bác Hồ. Đó là niềm tự hào của chị. Dường như lúc nào chị cũng sung sướng nhắc đến những kỷ niệm về Người.

Bài *Lãnh tụ ca* của Lưu Hữu Phước được chị hát lần đầu đã gần 40 năm trước. Và ngày nay, chị vẫn hát và hát bằng tiếng Việt, chứng tỏ chị thường xuyên hát bài này. Chị Đỗ Lệ Hoa kể:

- Mỗi lần Bác Hồ sang Trung Quốc, Người đều hỏi thăm tôi. Và tôi lại được lệnh đi hát cho Bác nghe. Bác không thích bài *Lãnh tụ ca* bằng bài *Làng tôi* của Văn Cao, do đó tôi đã học thêm bài này...

Những người làm phim được nghe ca sĩ hát cả hai bài, nhưng vì, chỉ có thể đưa vào phim một bài và đương nhiên là chọn bài *Lãnh tụ ca*. Dẫu sao, anh Thanh An nói, nghĩ đến Văn Cao, thấy ông thật tự hào, ở chỗ: bài *Tiến quân ca* của ông đã được Bác Hồ chọn là *Quốc ca* và bài *Làng tôi* được Bác chọn để hát trong đời thường... Bác Hồ nói: “Bác không thích bài *Lãnh tụ ca* bằng *Làng tôi*” thì ai cũng hiểu là do đức tính khiêm tốn của Người. Người không muốn ai ca tụng mình.

Mặc dù tuổi đã cao, giọng chị Đỗ Lệ Hoa vẫn rất hay. Giọng chị cao. Đoàn làm phim đề nghị chị hạ xuống đến 4 “tông”.

Ngoài chức trách một nghệ sĩ, chị còn hoạt động xã hội với tư cách một đại biểu Hội đồng nhân dân - như đã nói. Chị còn là ủy viên Ban thư ký Hội âm nhạc tỉnh Vân Nam. Đỗ Lệ Hoa được coi là một trong hai người hát dân ca giỏi nhất Trung Quốc...

Đạo diễn Thanh An còn kể tôi nghe về các cuộc tiếp xúc, trò chuyện với nhiều bạn bè Trung Quốc, từ những bậc cao tuổi như bà Vương Quang Mỹ (vợ Cố Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ); bà vợ ông Vi Quốc Thanh, nguyên Trưởng đoàn cố vấn quân sự ở Việt Nam từ

những năm 50; bà vợ ông Trần Canh, một Đại tướng bách chiến bách thắng của Trung Quốc; đến Giáo sư Vân Trang, người đã viết 16 bài về Bác Hồ, dưới ghi: “*Ở cạnh Bác Hồ*”... Vinh dự của ông Vân Trang là đã được Bác Hồ dạy tiếng Việt.

Nhưng, Giáo sư Vân Trang còn một vinh dự lớn nữa - không biết đạo diễn Thanh An có nghe Giáo sư kể không - đó là việc con ông được Bác Hồ đặt tên. Tôi có đọc một hồi ký của ông, trong đó viết:

“Bác Hồ thường gọi tôi đến gặp, phần lớn là để làm một việc cụ thể nào đó. Nhưng cũng có hai lần ngoại lệ. Đầu năm 1955, Bác được biết vợ tôi sinh đứa con thứ hai được hai tháng đã từ Côn Minh về đến Hà Nội, liền bảo chúng tôi bế cháu cho Bác xem. Đại sứ La Quý Ba đưa chúng tôi đến chỗ Bác, và cùng ăn cơm tối. Theo yêu cầu của chúng tôi, Bác đặt tên cho cháu là “Việt Dũng”. Năm 1959, trước khi được điều động về nước, Bác lại gọi tôi đến cùng ăn cơm tối, còn tặng tôi một tấm ảnh, trên có viết một dòng chữ bằng Trung Quốc: “Chúc chú tiến vọt, ngày 3-6-1959. Bác Hồ tặng”

*

* *

Ở Côn Minh, vợ chồng Giáo sư Vân Trang và con trai Việt Dũng đã nhiều lần nghe Đỗ Lệ Hoa hát bài “*Lãnh tụ ca*” của Việt Nam. Trong những giờ phút ấy, người hát và người nghe đều bồi hồi nhớ đến Bác kính yêu - Người đã để lại trong trái tim họ biết bao kỷ niệm đẹp đẽ...

“TÔI QUÍ TRỌNG BÁC HỒ NHƯ PHỤ THÂN TÔI”

Có những sự kiện làm người ta gắn bó và biết ơn nhau đến suốt đời. Như trường hợp Bác Hồ và luật sư người Anh Lô-dơ-bai, qua “Vụ án Hồng Công” vào đầu những năm 30. Sự kiện ấy không chỉ làm cho ông bà luật sư mà cả con gái họ, Pa-tơ-ri-xi-a, cũng như các thế hệ về sau của gia đình này mãi mãi gắn bó với Bác Hồ. Còn đối với Bác Hồ, ông bà mãi mãi là ân nhân - không chỉ là của Bác mà của cả dân tộc ta. Ngót một phần ba thế kỷ, sau vụ án ấy, vào dịp đầu xuân 1960, Bác Hồ đã mời ông bà luật sư và người con gái yêu của ông bà sang thăm Việt Nam. Trong dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của một nước Á Đông, họ đã sống trong tình cảm mến phục và biết ơn của nhân dân và cán bộ ta. Ông bà và cô gái Pa-tơ-ri-xi-a được Bác đưa đi thăm nhiều nơi, tham quan phong cảnh Hà Nội cùng một số địa phương phía Bắc. Các tầng lớp nhân dân ta đón tiếp niềm nở luật sư và gia đình. Ai nấy đều hiểu: Luật sư đã cứu sống Bác khỏi nanh vuốt của các thế lực thực dân ngày ấy.

Qua chuyến đi này, Pa-tơ-ri-xi-a thực sự được gần gũi Bác Hồ, được Bác chăm sóc ân cần và coi như con gái của Người.

Năm xảy ra “Vụ án Hồng Công”, Pa-tơ-ri-xi-a mới lên 6 tuổi. Bây giờ, đã nhiều lần cô bé cùng cha mẹ vào thăm chú Tống Văn Sơ - bí danh của Bác Hồ lúc đó - song cô chỉ biết đó là một người chú rất tốt của gia đình, chứ đâu có hiểu chú là ai, làm gì, vì sao bị bắt và xử án. Lớn lên, Pa-tơ-ri-xi-a được bố mẹ kể lại đầy đủ câu chuyện ngày xưa về “Chú Tống” tức về Bác Hồ hôm nay, người mà toàn thể nhân dân Việt Nam đều tôn kính, bầu bạn khắp năm châu đều mến phục.

Chuyện kể rằng: Ngày 1-6-1931, một cán bộ của Quốc tế Cộng sản, tên là Séc Lơ-phrăng, người Pháp, bị cảnh sát Anh bắt ở Xanh-ga-po trong một hoàn cảnh khá bất ngờ. Ông không kịp hủy các tài liệu, giấy tờ liên quan đến những gì thuộc về Quốc tế Cộng sản ở Đông - Nam Á. Vì vậy, địa chỉ của Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Công bị lộ. Đó là nhà số 186 Tam Lung, Cửu Long, Hồng Công mà Người đã chọn làm trụ sở liên lạc, sau khi thống nhất các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong số những người cộng sản tin cậy thường lui tới có: Nguyễn Thị Minh Khai, Hồ Tùng Mậu... Ngôi nhà khá thuận tiện cho hoạt động bí mật (nhận chỉ thị, tài liệu, trao đổi công tác...). Từ tầng hai có thể nhìn rõ từ xa. Nếu có điều gì khả nghi, có thể xuống cầu thang ra cổng sau. Sáng sáng, Tống Văn Sơ rửa mặt xong thì phơi khăn ngay ngắn trên dây để báo hiệu cho các cộng sự là tình hình an toàn, có thể vào được. Nếu như không có khăn hoặc khăn phơi lệch thì ai cũng hiểu là đang có biến.

Sớm tinh mơ ngày 6-6-1931, Tống Văn Sơ còn chưa kịp phơi khăn làm ám hiệu thì mật thám đã ập tới.

Cánh cửa bị đập mạnh và bật mở. Một viên sĩ quan Anh và mấy người cảnh sát Trung Quốc lục soát khắp nhà, từ dưới sàn lên tận trần. Chúng đập cả tường nhà, dỡ cả mái ngói để tìm vũ khí. Quần áo, chăn gối bị lật tung. Đến cả bánh xà phòng chúng cũng cắt ra để tìm giấy tờ và thuốc nổ. Trong nhà lúc đó chỉ có hai người. Cả hai đều bị xích tay, giải ra khỏi nhà và đẩy lên chiếc xe có cửa sổ bọc kín bằng lưới sắt. Xe chạy về sở cảnh sát Anh ở Hồng Công. Một thời gian dài sau đó, chúng còn chẳng bấy định bắt thêm người có liên quan đến hoạt động của Tống Văn Sơ - cái tên ghi trong căn cước - song vô hiệu, vì trên đây không còn chiếc khăn mặt để đặt hiệu về sự an toàn...

Phần tiếp theo của câu chuyện này đã được luật sư Lô-dơ-bai kể cho cô con gái nghe, và sau này trong dịp sang thăm Việt Nam đầu năm 1960, lại kể cho tập thể cán bộ Viện Bảo tàng cách mạng cùng nghe. Những người có mặt hôm đó còn nhớ rõ gương mặt tươi vui và đôn hậu của vị luật sư già, mái tóc bạc trắng mà giọng nói thật sôi nổi:

Hôm Tống Văn Sơ bị bắt ở Cửu Long, tôi có công việc đi đâu đó về muộn. Nhà tôi chờ cơm đương bốc mình, và lại có một người An Nam (mà sau này mới biết tên là Hồ Tùng Mậu) đang ngồi đợi. Thấy tôi về, ông Mậu chào và nói ngay:

- Thưa luật sư, mong luật sư cứu cho. Hiện nay có một người An Nam yêu nước bị nhà cầm quyền Anh bắt giam.

Tôi hỏi chuyện người lạ mặt một lúc, rồi hỏi địa chỉ quay lại nhà giam Tống Văn Sơ. Tuy mới gặp người

yêu nước họ Tống chưa đầy 20 phút, nhưng tôi rất có cảm tình. Tôi nhận ra đó là một trí thức lớn, hiểu sâu, biết rộng tình hình thế giới. Tôi thầm cảm phục ông ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên ấy. Trở về nhà, vợ tôi rất lo là tôi sẽ bức mình. Nhưng trái lại, chính hôm ấy tôi rất vui, tôi cứ lẩm bẩm một mình: “Rất thông minh! Rất tuyệt vời!”.

Vợ tôi gặng hỏi:

- Cái gì rất tuyệt vời, rất thông minh?
- Tống Văn Sơ.
- Tống Văn Sơ là ai? Là người thế nào?

Tôi chậm rãi kể lại cho nhà tôi nghe về những phút giây đầu tiên gặp Tống Văn Sơ - tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay - tại nhà lao Hồng Công. Những ấn tượng hết sức tốt đẹp của tôi về nhà ái quốc, nhà tư tưởng này cũng làm nhà tôi thích thú và quý mến ngay. Nhà tôi giục tôi đưa đi gặp người An Nam yêu nước mà tôi vừa kể.

Ăn cơm xong, hai vợ chồng tôi trở lại nhà giam. Trên đường đi, tôi theo đuổi ý nghĩ: Trước đây từng có một luật sư, cũng là người Anh, đã cãi cho Tôn Trung Sơn, nhà ái quốc vĩ đại của Trung Hoa. Giờ đây, tôi phải cãi cho Tống Văn Sơ...

Trước mặt chúng tôi là Tống Văn Sơ, khoảng 40 tuổi, tuy gầy, da hơi xanh, nhưng toát lên vẻ thông minh, đầy dũng khí, nhất là đôi mắt - đôi mắt đầy sức cảm hóa mãnh liệt. Gặp chúng tôi, ông tỏ ra rất vui mừng và cảm ơn sự quan tâm trước hoàn cảnh khó khăn của mình. Trên gương mặt ông thoáng một vẻ buồn. Ông thật thà thừa rằng, ông không có tiền để

nhờ luật sư cãi hộ. Tôi nói: “Tôi nhận cãi hộ ông vì danh dự chứ không phải vì tiền. Chỉ mong ông giúp tôi cung cấp những điều mà tôi có thể dựa vào đó để bênh vực cho ông...”.

*
* *

Đến đây, tôi xin đề cập những khía cạnh khác, trước khi tiếp tục trình bày câu chuyện của luật sư Lô-dơ-bai. Bạn đọc trẻ tuổi sẽ hỏi: Luật sư là ai mà có tấm lòng nhiệt thành đối với Bác Hồ của chúng ta như vậy?

Phrăng-xít Lô-dơ-bai là một luật sư dân chủ tiến bộ người Anh, rất nổi tiếng ở Hồng Công. Ngày ấy, ông đứng đầu một văn phòng luật gia có uy tín và là Chủ tịch Hội luật gia Hồng Công (ROSS). Đại diện Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản, khi biết tin đồng chí Nguyễn Ái Quốc bị bắt, đã khẩn thiết nhờ luật sư Lô-dơ-bai can thiệp và bảo vệ nhà cách mạng Việt Nam.

Sau hai lần gặp gỡ Tống Văn Sơ - thật ra lúc đầu tiếp xúc không dễ dàng vì bị cảnh sát từ chối - ông cảm thấy không chỉ kính trọng mà còn thương mến sâu sắc nhà cách mạng An Nam gầy gò, luôn luôn ho rữ rượi, mặt hốc hác. Chỉ có đôi mắt, như đã nói, là ngời sáng, luôn luôn ánh lên một nghị lực phi thường...

Dĩ nhiên, Lô-dơ-bai không thể biết người mà ông sẽ giúp đỡ hết mình chính là Nguyễn Ái Quốc, một con người đã trở thành linh hồn của cách mạng Việt Nam. Thời gian đó, Nguyễn Ái Quốc đã tìm mọi cách tăng cường tổ chức, tuyên truyền cách mạng và kịp thời uốn nắn, chỉ đạo những vấn đề quan trọng trong

đường lối trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Hồi này, tình hình cách mạng trong nước diễn ra rất gay go, ác liệt. Phong trào Xô- Viết Nghệ- Tĩnh bị chìm trong biển máu. Các cơ sở Đảng bị lục soát, nhiều đồng chí bị bắt, giết hại hoặc tù đầy.

Nguyễn Ái Quốc bị thực dân Pháp tìm mọi cách theo dõi, tìm ra dấu vết để bắt bằng được. Hai năm trước, vào tháng 10 năm 1929, tòa án Vinh (Nghệ An) đã kết án tử hình vắng mặt Người... Bắt và tử hình Nguyễn Ái Quốc, chúng hy vọng sẽ dập tắt được ngọn lửa đấu tranh giải phóng dân tộc trên toàn bán đảo Đông Dương. Sau khi mật thám Anh bắt được nhà cách mạng Tống Văn Sơ mà chúng khẳng định là Nguyễn Ái Quốc, chúng báo tin ngay cho mật thám Pháp ở Đông Dương với hy vọng được hưởng một khoản tiền thưởng rất lớn mà hai bên đã thỏa thuận. Được tin, toàn quyền Đông Dương Méc-lanh mừng rỡ báo gấp về Bộ thuộc địa Pháp *"...phấn khởi báo tin ngài Bộ trưởng biết rằng Nguyễn Ái Quốc "kẻ thù cực kỳ năng động và nguy hiểm" đã bị bắt ở Hồng Công ngày 6 tháng 6, tại địa chỉ ghi trên giấy tờ tịch thu tại Xanh-ga-po trong người Séc Lơ-phrăng. Việc bắt này thực hiện được là nhờ có sự phối hợp giữa Giám đốc sở mật thám Đông Dương và sở cảnh sát Anh tại Hồng Công và Xanh-ga-po với sở cảnh sát tại Tô giới Pháp ở Thượng Hải..."*.

Theo luật định, quyền thả Nguyễn Ái Quốc là do tòa án Anh quyết định vì người bị bắt ở trên đất thuộc địa của Anh. Bởi vậy, chính quyền Đông Dương và

Bộ thuộc địa Pháp rất lo sợ tòa án Anh tha bổng Nguyễn Ái Quốc - một người có vai trò cực kỳ quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương. Bằng mọi giá, chúng ra sức can thiệp mua chuộc để cảnh sát, tòa án Anh trục xuất Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương hoặc lưu đầy ở một thuộc địa xa xôi nào đó của Anh để sau này Pháp có bắt được lãnh tụ cộng sản Ấn Độ (thuộc địa Anh, và một số nước) ở thuộc địa của Pháp thì sẽ trao đổi cho nhau. Pháp và Anh đã bí mật trao đổi, mặc cả, song còn chờ ở kết quả phán xét của tòa án.

Vậy là Quốc tế Cộng sản và bọn thực dân đang đứng trước cuộc chạy đua giữa việc cứu Nguyễn Ái Quốc và trục xuất Người. Cuộc chạy đua ấy, từ phút đầu tiên, vô cùng gay go, phức tạp.

Nói cho đúng, Quốc tế Cộng sản và các bạn chiến đấu của Nguyễn Ái Quốc không có đủ điều kiện để thuê luật sư bào chữa. Tất cả đều phụ thuộc ở tài trí của chính Nguyễn Ái Quốc và sự phối hợp giúp đỡ của bên ngoài...

Tin Nguyễn Ái Quốc - với tên mới là Tống Văn Sơ - bị bắt được cơ quan truyền thông đại chúng truyền đi rất nhanh. Báo chí tiến bộ ca ngợi người chiến sĩ cách mạng kiên cường và đồng thanh phản đối vụ bắt bớ này, đòi trả lại tự do cho Nguyễn Ái Quốc. Ngược lại, báo chí đế quốc đưa tin này như một thắng lợi lớn của chúng. Vụ bắt bớ Nguyễn Ái Quốc làm xôn xao dư luận khắp các lục địa - điều mà mật thám Pháp và Anh thật ra không hề mong muốn. Chúng mong được giữ kín vụ bắt lén và tự giải quyết với nhau...

*
* *

Xin được tiếp tục câu chuyện về luật sư Lô-dơ-bai với anh chị em ở Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam:

- Các bạn có biết không? Những người làm việc và cộng tác với tôi rất hiểu tâm tính của tôi, và không những thế họ đoán hiểu cả cử chỉ của tôi nữa. Nếu nhìn thấy tôi liếc mắt là biết tôi muốn cái gì rồi. Như ông Gien-ki chẳng hạn. Ông này có khả năng nói tám giờ đồng hồ liên không nghỉ cũng được. Ông ấy là luật sư chuyên về cãi. Hoặc ông Long, luật gia người Trung Quốc, thư ký riêng của tôi chuyên giữ hồ sơ. Hồ sơ của tôi có hàng vạn nhưng khi hỏi về vấn đề gì thuộc hồ sơ nào, không quá năm phút sau, ông đã đưa cho tôi rồi.

(Xin bổ sung: Gia đình luật sư Lô-dơ-bai là một gia đình quý tộc lớn, có thân thế với nữ hoàng. Nhà nhiều sách và hoa: có 5 vạn cuốn sách và hơn 2 nghìn chậu hoa, với cả thầy 17 người giúp việc cho luật sư).

- Về đến nhà, sau khi vợ chồng tôi gặp Tống Văn Sơ - luật sư kế tiếp - việc đầu tiên của tôi là bàn bạc với người phụ tá của luật sư Gien-kin những tình tiết vụ án và đề ra những phương án, lý lẽ biện hộ, sau đó ủy quyền bào chữa Tống Văn Sơ cho luật sư Gien-kin.

Cũng như tôi, nhà tôi rất cảm phục và quý mến Tống Văn Sơ. Hôm sau, bà ấy mua quà, thuốc men trực tiếp vào nhà tù Vich-to-ri-a thăm người bạn phương Đông. Cũng nhờ uy tín nhất định của chồng, cai ngục không gây khó dễ cho việc thăm viếng này. Liên tục những ngày sau bà vẫn thăm, đi đâu cũng

nói chuyện về con người đáng kính phục này. Thấy sức khỏe của Tống Văn Sơ không được tốt, nhà tôi bàn với tôi việc đầu tiên là cần can thiệp với nhà chức trách để đưa Tống Văn Sơ vào bệnh viện phục hồi sức khỏe. Việc can thiệp đó được chấp nhận. Cũng nhờ vậy việc nhà tôi vào thăm ông cũng thuận tiện hơn nhiều. Bà ấy hết lời ca ngợi Tống Văn Sơ trước mặt các quý phu nhân của nhiều nhân vật nổi tiếng trên đất Hồng Công. Cho nên, cùng bà đến thăm Tống Văn Sơ có lúc còn có cả phu nhân Phó thống đốc Hồng Công Thô-mát Xao-thước. Được gặp các phu nhân các nhân vật quan trọng, Tống Văn Sơ tận dụng mọi khả năng có được để giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam. Qua lời kể có sức cuốn hút của ông, các quý phu nhân đều cảm mến nhà cách mạng đầy nhiệt huyết này. Mỗi lần vào thăm họ đều mang những bó hoa quý hiếm cho ông. Họ cũng thuyết phục các phu quân bằng mọi cách can thiệp, giúp đỡ cho Tống Văn Sơ. Cũng nhiều lần nhà tôi đưa bé Pa-tơ-ri-xi-a vào thăm “chú Tống”, được chú rất yêu. Chú rất cảm động khi nhận những món quà của cháu gái đem cho, thường là hoa, trái cây và bánh kẹo. Từ ấy cho đến bây giờ, vợ chồng tôi hay kể chuyện về “chú Tống” cho nên Pa-tơ-ri-xi-a cũng có thể hiểu sâu sắc về cuộc đời oanh liệt của chú. Ở Hồng Công cháu gọi là “chú Tống” nhưng sang đây, không phải là gặp “chú Tống” mà gặp Bác Hồ kính yêu. Cháu theo nghề tôi, làm luật sư và cũng mang một ý tưởng là dùng pháp luật bảo vệ người tốt và điều thiện trên đời... Sang Việt Nam thăm Bác Hồ, thăm các bạn, được Bác Hồ ân cần chăm sóc, được Người tiếp chuyện và ăn Tết trên nhà sàn,

chúng tôi hoàn toàn sung sướng như được về nhà, sống với một con người rất đối thân yêu. Người cho chúng tôi nhiều quà quý để làm kỷ niệm. Tôi cho rằng, những ai, những gia đình nào có diễm phúc gắn bó với Người do một duyên cớ nào đó thì thật mãn nguyện đến suốt đời. Riêng tôi, tôi không bao giờ nghĩ đã “cứu” ông Tống Văn Sơ ngày ấy, tôi đã làm bốn phận của một luật gia chân chính, thế thôi. Nhưng diễm phúc của tôi là, qua việc ấy, tôi có quan hệ với một bậc vĩ nhân, một lãnh tụ kiệt xuất, được các bạn và loài người tiến bộ - trong đó có chúng tôi - vô cùng kính phục. Người coi chúng tôi như những người bạn thân thích, rất mực thủy chung. Pa-tơ-ri-xi-a, con gái tôi, được Người âu yếm, đối xử như con đẻ - đó là hạnh phúc của chúng tôi, của cả dòng họ tôi...

Các bạn ạ, về quá trình diễn biến của các phiên tòa “xử” ông Tống Văn Sơ, các bạn đã có đầy đủ tài liệu, hồ sơ. Tôi sẽ không nói lại. Chỉ biết rằng, quá trình ấy đã diễn ra hết sức căng thẳng. Luật sư Gien-kin đã làm việc xuất sắc, tìm ra những điểm yếu và sơ hở của tòa đại hình để đập lại các vị quan tòa bên những chồng sách cao như núi. Các bạn biết đấy, tại các phiên tòa có 4 người được nói - Chánh án, Phó chánh án, đại diện chính phủ Anh và luật sư cãi cho bị can - tức là ông Gien-kin mà tôi nhờ cãi. Tôi chỉ được ra hiệu, và mỗi lần như vậy, Gien-kin lại bật dậy như lò xo, vạch những điều trong luật pháp của Hoàng gia Anh bị họ vi phạm. Hai người nói nhiều nhất và đôi khi tranh cãi kịch liệt, đấy là biện lý buộc tội và luật sư Gien-kin, người cãi hộ của Tống Văn Sơ. Lần thứ nhất, phiên tòa

hợp khá lâu. Mỗi lần nghỉ, người ta đưa ông xuống hầm tòa án để giữ và cho ông ăn uống...

Sau hơn một tháng trời xét xử ông Tống Văn Sơ, chánh án đã tuyên bố xóa án tử hình và giảm xuống 6 năm tù. Dưới hồ sơ ghi: *"Người can án thuộc quốc tịch nào sẽ trả về chính quốc người ấy"*.

Đó là một mưu mô rất xảo quyết của tòa án, họ khỏi mang tiếng kết án một người vô tội, nhưng sự thật là trao Tống Văn Sơ cho thực dân Pháp. Biết được ý đồ đó, tôi đưa mắt ra hiệu cho Gien-kin, ông ta hiểu ý, viết ngay một bản kháng án đệ trình nữ hoàng Anh, và đưa cho Tống Văn Sơ xem. Ông Tống đồng ý ký vào bản kháng cáo.

Việc gửi hồ sơ chống án lên Viện cơ mật Hoàng gia Anh phải trải qua những điều kiện bắt buộc như: trong 14 ngày phải có đơn chống án, trong 90 ngày phải có đủ bộ hồ sơ gửi Viện cơ mật và phải nộp 500 đô-la án phí. Những điều kiện đó, tôi có đủ khả năng lo liệu được. Công việc này tôi giao cho hai luật sư là Đ.N.Prít và X.Cơ-ríp (sau này làm bộ trưởng ngoại giao Anh).

Trong thời gian chờ đợi thụ lý ở Luân Đôn, ông Tống ốm. Tôi dàn xếp để ông được đi điều trị ở nhà thương, vừa phục hồi sức khỏe vừa tránh mọi bất trắc có thể xảy ra. Sự có mặt của ông Tống gây nên sự thay đổi lớn trong nhà thương. Người ta làm thêm ổ khóa vào các cửa phòng vì sợ ông trốn. Những vật gì treo trên tường đều bị dọn đi vì sợ ông tự sát, xung quanh phòng có lưới thép. Hai người cảnh sát Ấn Độ cao to gác trước cửa phòng. Trong phòng, hai mật thám người Trung Quốc ngày đêm canh giữ. Trong những

người bệnh nằm trong phòng, có cả kẻ giết người, đầu sỏ ăn cướp, thổ phỉ.

Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được. Vì vậy, trong nhà thương ông Tống được săn sóc chu đáo. Ông có cái giường tốt và được ăn cơm Tây. Ông cảm động nói với chúng tôi: “Cả đời tôi, chưa bao giờ tôi được ăn uống sung sướng như thế này...”.

Vợ chồng tôi và cháu Pa-tơ-ri-xi-a vào thăm ông luôn. Con gái tôi rất thương chú Tống, mỗi lần vào lại mang quà bánh, sách báo và cả đồ chơi giải trí. Ông Tống đọc được nhiều thứ tiếng, cho nên báo chí giúp ông nắm được các diễn biến ngoài xã hội, cả dư luận về vụ án của ông. Đặc biệt ông đã được tiếp xúc với bà Xten-la Ben-don, một nhà hoạt động văn học và sân khấu, là phu nhân của một quan chức vào hàng cao cấp nhất Hồng Công.

Trong những ngày đầu tháng 7-1932, tức là ngót một năm sau khi bắt đầu vụ án Tống Văn Sơ, tôi nhận được tin vui từ Luân Đôn gửi đến: *“Đơn kháng án của ông được Hội đồng nhà vua Anh chấp nhận. Tống Văn Sơ được tha bổng và được cấp một số tiền bồi thường...”*.

Luật sư Lô-dơ-bai trầm ngâm nhìn mọi người nghe chuyện, cũng như từng nhìn cô con gái yêu Pa-tơ-ri-xi-a khi kể chuyện “Chú Tống” của cô:

- Việc đến đó tưởng là xong. Nào ngờ, Tống Văn Sơ lên tàu đi Xanh-ga-po thì chính phủ nước này không chấp nhận, bắt buộc Tống trở lại Hồng Công. Khi trở lại Hồng Công, Tống Văn Sơ bị cảnh sát bắt với lý do ông vào Hồng Công không có giấy phép. Thế là Tống lại bị bắt một lần nữa...

(Mọi người nghe chuyện lặng đi. Hệt như Pa-tơ-ri-xi-a đã từng xúc động, thương chú Tống gặp quá nhiều gian truân, khi nghe cha kể đến vụ này).

Ông Hồ Tùng Mậu - luật sư Lô-dơ-bai kể tiếp - chính là người đến báo cho tôi biết tin dữ ấy. Tôi cho gọi đây nói đi khắp các nhà tù, các trại giam ở các quận, các khu phố, không nơi nào có giam giữ Tống Văn Sơ. Tôi và nhà tôi trao đổi với nhau. Nhà tôi đến hỏi vợ phó cảnh sát thành phố. Ông này vốn có cảm tình với Tống Văn Sơ, đã tiết lộ: ông bị tạm giam tại nhà trường dạy cố đạo. Tôi nhẹ hẫng người. Vậy là còn hy vọng, rất hy vọng. Nếu không, Tống Văn Sơ khó tránh khỏi nguy hiểm đến tính mạng, vì mật vụ Anh và Pháp đang tìm mọi cách hãm hại ông...

Tôi liền phái ông Long đi may một bộ áo mũ giáo sư dạy các linh mục, sau đó nhờ em bé bán báo vốn thường xuyên liên lạc với Tống Văn Sơ mang bộ quần áo đi, kèm theo bức thư ngắn: *"Ông Tống! Tôi biết ông ở trong ấy rồi, 5 giờ 37 phút ông mặc áo mũ này, đi ra phía bắc nhà trường. Tôi sẽ đón ông ở đấy. Ký tên: Lô-dơ-bai, luật sư"*. Đúng giờ hẹn, Giáo sư dạy linh mục ra xe ở cửa bắc. Tôi đón ông Tống về nhà riêng.

Những người nghe chuyện có vẻ khó hiểu, luật sư giải thích thêm:

- Những người trong trường dòng hễ thấy cha thì cúi đầu chào và nếu thấy thầy dạy cha đạo thì phải cúi thấp nữa và không dám nhìn mặt. Phải làm cho bọn gác thấy áo mũ của giáo sư dạy linh mục để chúng không dám nhìn thì mới thoát ra được...

Đưa ông Tống về, tôi giới thiệu với mọi người rằng đây là một *đại trí thức Trung Quốc*, bạn của tôi, đến ở thăm mấy hôm. Ông lưu lại nhà tôi không lâu, nhưng tình cảm giữa ông với các thành viên trong nhà ngày một thân thiết. Nhất là con gái tôi, bé Pa-tơ-ri-xi-a, suốt ngày quần quít lấy chú. Chú Tống bày cho cháu học bài, như học chữ Trung Quốc và làm toán...

Để bảo đảm tuyệt đối an toàn cho chuyến rời Hồng Công lần này, vợ chồng tôi đến bàn với bà Phó thống đốc, người bạn gần gũi của chúng tôi. Bà Xao-thước ủng hộ ngay và trực tiếp đến gặp ông Thống đốc Pil để nhờ giúp đỡ. Ông Pil, ngoài thì ký lệnh bắt giam Tống Văn Sơ và ký lệnh trục xuất theo ý nguyện của một số quan chức, nhưng trong lòng rất khâm phục Tống Văn Sơ lại có sự hậu thuẫn, nhiệt tình ủng hộ của những người bạn, những người danh giá, ông nhận lời giúp đỡ hết lòng.

*

* *

Qua lời kể của luật sư Lô-dơ-bai, ông Tống Văn Sơ - Bác Hồ kính yêu của chúng ta - đã từ biệt gia đình luật sư với tình cảm vô cùng lưu luyến vào một ngày cuối tháng giêng năm 1933. Ông đặc biệt bịn rịn chia tay cháu nhỏ yêu quý Pa-tơ-ri-xi-a và hẹn sẽ gặp lại cháu trong một dịp nào đó...

Dịp đó đã đến, sau gần 30 năm. Pa-tơ-ri-xi-a cùng bố mẹ được Bác Hồ mời sang thăm Việt Nam, cũng vào tháng giêng, nhưng không phải là tháng giêng của 27 năm về trước mà là một tháng giêng trong tiết

xuân của một nước Việt Nam mới đang phôi phôi trên “đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh”...

Trong câu chuyện tại nhà sàn Bác Hồ, Pa-tơ-ri-xi-a còn nhớ có một chi tiết mà cả chủ nhà và khách đều nhắc đến: Ngày chia tay nhau ở Hồng Công, Bác Hồ đã để lại cho bố mẹ Pa-tơ-ri-xi-a một cuốn nhật ký dày đến hàng trăm trang. Tiếc rằng, sau bố mẹ bị phát xít Nhật bắt, nên phải đốt hết tài liệu, trong đó có cuốn nhật ký của Bác Hồ.

Và trong những kỷ niệm của tuổi ấu thơ, Pa-tơ-ri-xi-a nhớ: Ngày ở nhà cô, để tránh con mắt rình mò của mật thám, Bác bao giờ cũng ngồi quay lưng về phía chiếc tủ giường lớn kê trong phòng.

Năm 1990, một đoàn nhà báo Việt Nam sang công tác ở Hồng Công đã tới thăm bà tại nhà riêng. Bà cũng là một luật sư nổi tiếng. Bà kể với các nhà báo:

“Khi được tin Bác Hồ qua đời, gia đình tôi đã đem ảnh Người treo giữa nhà. Lúc này, cha tôi đã mất. Mẹ tôi và vợ chồng tôi đều mặc áo đại tang. Các cháu hoa trong nhà - hơn 2.000 cháu đều khoác băng tang đen, cả nhà sụt sùi trong nỗi tiếc thương vô hạn đối với “chú Tổng”, nhà yêu nước vĩ đại của nhân dân Việt Nam, nhà cách mạng vô sản của thế giới suốt cả cuộc đời đấu tranh cho công bằng và tự do”.

Tiền các nhà báo Việt Nam ra về, bà bỗng tươi lên:

“Các bạn ạ, Bác Hồ là người rất yêu trẻ và yêu hoa. Đó là ấn tượng mãi mãi in đậm nét trong tâm hồn tôi từ buổi ấu thơ về Người. Hoa và trẻ em, còn gì đẹp bằng! Xin các bạn nhớ trong tim tôi, tôi mãi mãi quý trọng Người như chính phụ thân tôi!”.